

CHUYỆN DÀI VỀ HỒ CHÍ MINH

(Tiếp theo)

Nguyễn Tất Thành, con người trăm mặt Mường Giang 09-2005 (Viết tặng Trầm Kha)

Trong bốn người liên hệ tới việc xuất dương, chỉ có Nguyễn Tất Thành tức Hồ Chí Minh ra đi năm 1911, là tự nhận mình tìm đường cứu nước. Trước đó, qua bộ máy tuyên truyền của đảng và chính Hồ viết sách đề ca tụng và huyền thoại cuộc đời mình, làm cho nhiều người nhẹ dạ không muốn tin cũng phải gật đầu chấp nhận, vì biết đâu mà mò. Nhưng vào tháng 02-1983, hai sử gia VN, tiến sĩ Nguyễn Thế Anh và Vũ Ngự Chiêu, đã công bố khắp thế giới, một tài liệu vô cùng quan trọng, tại văn khố Pháp duy nhất liên quan tới giai đoạn 1911 của Nguyễn Tất Thành. **Đó là hai lá thư xin nhập học Trường Thuộc Địa (Ecole Coloniale) viết ngày 15-09-1911 và một lá viết tại New York ngày 15-12-1912.** Điều này chứng tỏ rằng Nguyễn Tất Thành, bỏ nước ra đi chỉ với mục đích tìm đường làm quan (làm Việt Gian tay sai cho Pháp) để giải quyết chuyện cơm ăn áo mặc của riêng mình, chứ không hề có ý định cứu nước giúp dân như Trần Dân Tiên từng viết sách ca tụng.

Ngoài ra những bí mật đã được bật mí, theo đó mới biết được gần suốt cuộc đời của Hồ, hầu như sống bằng nghề tình báo KGB, phục vụ cho đệ tam quốc tế mà thôi. Cho nên người ngoài cũng không lấy làm lạ trước những sự kiện của đảng cộng sản Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng, ưu thế của Hồ Chí Minh từ năm 1930 cho tới cuối năm 1944, địa vị của Hồ trong đảng rất mù mịt, không chiếm được một ưu thế nào, vì Hồ thật sự đâu có làm gì. Cũng theo sử liệu, lãnh đạo đảng lúc đó là những tên tuổi Đặng Xuân Khu, Nguyễn Văn Cừ, Lê Đức Thọ, Văn Tiến Dũng cho nên mãi tới hội nghị đảng lần thứ VIII, họ Hồ vẫn chưa có một danh vị đảng. Theo Lê Quảng Ba viết trong Hồi ký Đầu Nguồn, tiếng nói của nhóm cán bộ lưu vong tại hang Pắc Pó trong thời gian 1941-1944, Hồ Chí Minh từ Nậm Quang chính thức dời về đóng trụ ở biên giới Hoa-Việt, để dạy lớp cán bộ. Lớp học kết thúc ngày 26-01-1941 nhưng đã bế tắc vì Hồ không đủ uy tín để tổ chức được một chiến khu nào tại miền xuôi. Bởi vậy mới thấy tới ngày 22-12-1944, Võ Nguyên Giáp mới lập được Đội Việt Nam Tuyên Truyền Giải Phóng Quân, tại rừng Trần Hưng Đạo, Huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, đông tới 34 người, hầu hết là Nùng, Thổ bản địa.

Nhưng Hồ là người may mắn, từ thuở nhỏ đã được các quý nhân tại Phan Thiết như Trương Gia Mô, Hồ Tá Bang làm vang danh tại trường Dục Thanh. Sau đó qua Pháp, được Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường và Nguyễn Thế Truyền góp chữ và uy tín, đưa Bồi Ba, tức Nguyễn Tất Thành bước vào con đường chính trị, báo chí thế giới qua danh xưng của nhóm là Nguyễn Ái Quốc mà Hồ nhận riêng là của mình. Rồi từ hang Pắc Pó trở lại Tàu, may mắn bị quân Trung Hoa Quốc Gia bắt. Từ đó qua bảo đảm của Nguyễn Hải Thần cùng Vũ Hồng Khanh trong Việt Nam Quốc Dân Đảng, với chủ tướng Trương

Phát Khuê, họ Hồ chính thức sắm thêm vai gián điệp tình báo cho quân đội Đồng Minh, qua Đệ Tứ Chiến Khu Hoa Nam, sau khi được trả tự do ngày 16-03-1946, theo như tài liệu của Michael Maclear viết trong ‘The Ten Thousand Day War Việt Nam (1945-1975), xuất bản tại New York năm 1981. Cũng từ đó, qua vai trò điệp viên tình báo quốc tế thuộc các cơ quan KGB, Trung Cộng, Trung Hoa Dân Quốc, rồi do Charles Fenn giới thiệu, lại trở thành điệp viên chính thức của OSS tức là Office of Strategic Services, tiền thân của cơ quan Trung Ương Tình Báo Hoa Kỳ (CIA), làm việc dưới quyền Thiếu Tá Mỹ Archimedes Patti, đặc trách chiến trường Đông Dương. Nhờ đó, Hồ bước qua hết các xác chết cản đường trong đảng, để mùa thu tháng chín 1945, nghênh ngang võng lọng về Hà Nội nhận chức và đọc diễn văn. Đó là tất cả quá trình xuất dương cứu nước của anh thanh niên Nguyễn Tất Thành.

Qua câu chuyện trên, nhiều người đã thờ dài khi nghĩ rằng, phải chi Nguyễn Tất Thành được nhận vào trường Thuộc Địa, thì với bản chất bất lương như vậy, cùng lắm Hồ chỉ là một tham quan Việt gian làm tay sai cho Pháp mà thôi. Nhờ đó đất nước và dân tộc Việt Nam ngày nay có thể thoát được nỗi trường hận cùng khốn tận tuyệt dưới bàn tay tàn độc của một Hồ Chí Minh làm tay sai cho các thế lực quốc tế, từ Liên Xô, Trung Cộng, Pháp, Tàu Trắng và Hoa Kỳ.

1 - Nguyễn Tất Thành, con người trăm mặt :

Nhiều năm sau ngày ‘bác’ lên ngai Chủ Tịch nhà nước, người ta mới biết được cái tên Hồ Chí Minh, chỉ là một trong hàng trăm tên của Nguyễn Sinh Cung hay anh thanh niên thầy giáo Nguyễn Tất Thành, đã có một thời gian dạy học tại trường Dục Thanh, Phan Thiết, trước khi rời Bến Nhà Rồng ở Sài Gòn, qua Pháp tìm đường cứu nước. Theo các sử gia cũng như các nhà biên khảo nghiên cứu trong và ngoài nước, thì cho tới nay vẫn chưa ai biết hết tất cả các bí danh của Nguyễn Tất Thành. Trước đó, căn cứ vào tài liệu của Liên Xô, thì ‘bác’ có chừng 19 tên. Năm 1982, nhà biên khảo Huỳnh kim Khánh nói ‘người’ có 32 bí danh. Một tác giả Việt Nam khác kiểm kê được 76 tên của Hồ. Nói chung, không riêng gì tên họ, mà cả ngày sinh và tên cúng cơm cũng vô cùng bí mật, không biết đâu mà mò. Quả thật đây là một con người có nhiều tên nhất trên trái đất, từ cổ tới kim, đông sang tây. Do không biết chính xác tên khai sinh khi lọt lòng mẹ là Côn, Công hay Cung, vì vậy ta thấy sách vở đã chọn cái tên Nguyễn Tất Thành như là một điểm tựa, nhất là sau năm 1983, hai cái đơn của ‘bác’ bị phát giác.

Trong số 100 tên, có lẽ cái tên ‘Nguyễn Ái Quốc’ xuất hiện lần đầu tiên tại Paris là sôi động và đã gây ra không biết bao nhiêu tranh cãi, từ ấy cho đến bây giờ, vẫn chưa chấm dứt. Ai cũng biết, nói láo và bịa chuyện là bệnh nan y của người cộng sản, nhất là trong rừng sử sách của đảng, nhằm thần thánh hóa lãnh tụ ‘Hồ Chí Minh’. Gạt bỏ những huyền thoại của đảng viết về Bồi Ba, theo các nhà viết sử cho biết tới nay, họ vẫn còn rất mù mờ về giai đoạn của Nguyễn Tất Thành từ năm 1911-1919, ngoài ba chi tiết công khai: đó là Thành làm công trên tàu Latouche-Tréville của hãng Đầu Ngựa, sống tại nước Anh thời đệ nhất thế chiến (1914-1918) và có mặt tại Pháp qua cái tên Nguyễn Ái Quốc trên báo chí.

**** Nguyễn Ái Quốc và nhóm Trinh-Trường-Truyền :**

Trước khi Nguyễn Tất Thành xuất dương, thì Phan Chu Trinh và con là Phan Chu Dật mới 8 tuổi, đã tới Pháp ngày 01-04-1911 với trợ cấp của Chính Phủ Đông Dương. Từ năm 1912, Phan Chu Trinh kết thân với Phan văn Trường đang theo học Tiến Sĩ Luật tại Paris, nên dọn về ngôi biệt thự của Trường tại số 6 đường Villa des Gobellins. Từ năm 1912, Hồ đã bắt được liên lạc được với Phan Chu Trinh tại Pháp qua thư từ, vì hai người đã quen biết nhau từ ngày còn ở Việt Nam, nên Thành vẫn gọi Trinh là ‘Hy Mã Nghị Bá Đại Nhân’. Tại Việt Nam, từ năm 1911-1919, có nhiều biến cố thật quan trọng đã xảy ra. Trước hết là Đề Thám, lãnh tụ cuối cùng trong phong trào Cần Vương do vua Hàm Nghi xướng xuất năm 1885, đã bị Lương Tam Kỳ giết chết ngày 10-02-1913. Cũng năm này, vào ngày 17-01, tại Huế, tên Khâm Sứ Trung Kỳ là Georger Mahé đã khai quật lăng vua Tự Đức để cướp vàng bạc châu báu. Sự việc được báo chí như tờ Le Courrier d’Haiphong và dư luận cả nước chống đối và nguyên rủa dữ dội bọn thực dân và đám quan lại Việt Nam bất lương vô liêm sỉ. Ngày 12-04, tại Thái Bình, các đảng viên Việt Nam Quang Phục Hội của Phan Bội Châu và Cường Để, đã ám sát tên Tuần Phủ chó săn Nguyễn Duy Hàn. Những biến cố bi thảm trên, đã khiến cho Phan Chu Trinh bên Pháp cũng lên tiếng chỉ trích thực dân, kể luôn Toàn Quyền Đông Dương là Sarraut, người đang cuu mang giúp đỡ cha con ông. Tại Trung Hoa, vì nhận tiền của Pháp nên Tổng Đốc Lương Quảng là Long Tế Quang đã bắt giam Phan Bội Châu và Mai Lão Bạng từ năm 1914 tới năm 1917 mới thả. Vì những biến cố đã xảy ra, ngay khi Đức tuyên chiến với Pháp ngày 03-08-1914, nhà cầm quyền Ba Lê vin vào đó để bắt giữ và phân tán những yếu nhân trong Hội Ái Quốc Đông Dương, do Trinh và Trường thành lập. Ngày 15-9-1914, Pháp bắt giam Phan Chu Trinh và Phan văn Trường tại ngục Santé mãi tới tháng 02-1916 mới phóng thích. Từ đó người Pháp cũng cắt đứt trợ cấp cho cha con ông, khiến lâm vào cảnh nghèo đói, nên cả hai mắc phải bệnh lao phổi nặng. Tháng 03-1921, Dật chết tại Bắc Kỳ.

Từ đầu năm 1919, đại chiến lần thứ 1 đã kết thúc trong sự bại trận của phe trục Đức, Áo, Hung, Thổ và Bảo Gia Lợi. Kinh đô Paris của Pháp trở thành nơi tụ hội của các thế lực quốc tế. Tổng Thống Hoa Kỳ là Woodrow Wilson đưa ra chủ thuyết ‘Tự Tri’ và đề xuất việc thành lập Hội Quốc Liên, rất được các nước nhược tiểu ủng hộ.

Tại Nga, do Nga Hoàng Nicholas II (1894-1917), đứng về phe Đồng Minh chống Đức, nên nước này đã tích cực yểm trợ Nikolai V.I. Lenin (1870-1924) lật đổ vương triều. Ngày 07-11-1917, Lenin và Leon Trotsky đứng chung thành lập chế độ Bolshevik, hay còn gọi là cuộc Cách Mạng tháng mười, mở màn cho cảnh núi sông xương máu trong dòng lịch sử nhân loại, có cả Việt Nam, từ đó cho tới nay vẫn chưa chấm dứt. Tháng 3-1919 Lenin lập Đệ Tam Quốc Tế cộng sản để xuất cảng chủ nghĩa vô thần, vô sản khắp năm châu. Đây là miếng mồi béo bở mà Lenin, trù đồ vừa mới nổi lên, dẫn dụ các dân tộc bị trị khắp Á Châu từ Trung Đông, Ấn Độ, Trung Á, tới Trung Hoa và Đông Dương, lũ lượt kéo về thánh địa Viện Thợ Thuyền Đông Dương tại Mạc Tư Khoa, để học tập con đường cách mạng vô sản chuyên chính, đánh gục tư bản, tiến nhanh, tiến mạnh lên thiên đàng xã hội chủ nghĩa. Trong nước, nhiều cuộc bạo động chống Pháp khắp nước, quan trọng nhất là vụ khởi nghĩa của vua Duy Tân cùng các chí sĩ Thái Phiên, Trần Cao Vân tại Huế ngày 03/05/1916. Sau đó là cuộc biểu tình của Phan Xích Long tại Sài Gòn tháng 11-1916 và đặc biệt nhất là sự chiếm đóng tỉnh Thái Nguyên của Đội Cận, Lương Ngọc Quyến, Trần trung Lập vào năm 1917 dù thất bại, nhưng vẫn mang nhiều khích lệ tới tuyệt đại dân chúng Việt Nam đang sống lầm than khổ ải dưới ách nô lệ của giặc Pháp.

Trong giai đoạn trăm hoa đua nở, Nguyễn Tất Thành bỗng nổi lên như cò, trong giới cách mạng vô sản Pháp, qua bản ‘thỉnh nguyện thư đòi nhân quyền’ năm 1919, ký tên Nguyễn Ái Quốc, mà công án tới nay đã quy cho Hồ là cướp công của ba nhân vật đã sáng tạo: Phan Chu Trinh, Phan văn Trường và Nguyễn Thế Truyền. Nội dung bản thỉnh nguyện gồm 8 điểm, do một nhóm người An Nam yêu nước chung viết, được tờ báo L’Humanité của đảng Xã Hội Pháp, đăng ngày 18-06-1919 với dụng ý chính trị, dù thực chất chẳng có gì đặc biệt, nếu đem so sánh với sự đòi hỏi người Pháp phải trao trả độc lập hay ít nhất để Việt Nam tự trị của Kỳ Ngoại Hầu Cường Để sống lưu vong và Vua Duy Tân đang bị cầm giam ngoài hải đảo. Dù gì chẳng nữa thì đây cũng là một cơ hội vàng rờng với Hồ, vì ít nhiều tên tuổi của Nguyễn Ái Quốc, đại diện cho nhóm người An Nam yêu nước trên đất Pháp, cũng được nhóm người Việt qua Tây đánh Đức, hồi hương mang về phổ biến trong dư luận lúc đó. Mặt khác, qua chiến thắng của đảng Bolchevik Nga, khiến đảng xã hội Pháp hầu như nghiêng về Đệ Tam Quốc Tế, vô tình giúp anh thanh niên Nguyễn Tất Thành lúc đó, đang thất nghiệp phải sống nhờ vào sự giúp đỡ của Phan Chu Trinh, bỗng được các chính khách tả phái Pháp chú ý vì tính chất vô sản chuyên chính, nên đã giúp Hồ thoát nạn đói, bằng cách cử ‘bác’ tới học ở Viện Thợ Thuyền Đông Phương năm 1923. Từ đó Hồ qua bí danh Nguyễn Ái Quốc chính thức là một đảng viên của đệ tam quốc tế cộng sản.

* Vụ Án Nguyễn Ái Quốc :

Về vụ án lịch sử Nguyễn Tất Thành biếm xưng tên gọi của nhóm Nguyễn Ái Quốc, khi Hồ sống tại Pháp từ 1911-1923, cũng đã được tranh cãi sôi nổi giữa cơ quan tuyên truyền của đảng và nguồn dư luận trong cũng như ngoài nước. Đọc ‘Chủ tịch Hồ Chí Minh-tiểu sử và sự nghiệp’ do đảng ấn hành, tuyên bố là tất cả những bài viết và tranh vẽ trên báo Le Paria số 1, đều của Nguyễn Ái Quốc sáng tạo. Ta biết tờ Le Paria hay ‘Người Cùng Khổ’ do Hội Liên Hiệp Thuộc Địa chủ trương, từ số 1 đến số 12 đều do J.B Meyrat làm quản lý. Các số khác từ số 13 về sau do G.Sarotte và Léopol Mesnard chịu trách nhiệm, đặc biệt số 1 ra ngày 01-04-1922 không có một bài nào của Nguyễn Ái Quốc. Vậy mà Ban Nghiên Cứu Lịch Sử của Trung Ương Đảng VC, dám tuyên bố ‘bác’, tức là đồng chí Nguyễn Ái Quốc làm quản lý tờ báo này. Ngoài ra cũng trên tờ Le Paria, có nhiều bài viết hay tranh vẽ ký tên Nguyễn Le Patriote, là biệt danh của Nguyễn Thế Truyền và các sinh viên trong Hội Ái Quốc An Nam, thế nhưng Đảng vẫn tính bơ nhận bừa đó là sản phẩm của Nguyễn Ái Quốc. Riêng bài viết ‘Lên Án Chủ Nghĩa Thực Dân’ được đánh giá là một tài liệu tranh đấu trác tuyệt về nội dung cũng như hình thức. Theo nhận xét, thì lúc đó các nhân vật đấu tranh sống ở Paris, chỉ có Luật Sư Tiến Sĩ Phan văn Trường và Kỹ Sư Nguyễn Thế Truyền mới có đủ khả năng Pháp ngữ cũng như tư tưởng nhận thức để viết được một bài văn tranh đấu nẩy lửa hùng biện như vậy. Còn Nguyễn Tất Thành mặc dù có sống giang hồ khắp nơi từ 1911-1922 nhưng dù sao trình độ học vấn cũng giới hạn, chỉ viết hai lá đơn xin nhập học mà còn phạm nhiều lỗi chính tả và văn phạm, thì không thể nào là tác giả của kiệt tác trên. Phương chi, phóng đại vốn là nghề của đảng, tăng bốc để bác vang danh với đời lại càng thêm thần thông quảng đại hơn. Bởi vậy ngày nay, trước những khám phá về việc hoàn toàn bịa đặt một Nguyễn Tất Thành, đại thiên tài, từ một anh thanh niên giáo viên quèn tại một trường làng, một bồi Ba trên tàu viễn dương, dùng một cái nhảy phóc lên làm ông quản lý một tờ báo nổi tiếng, phát hành 5000 số một kỳ, lại còn kiêm thêm họa sĩ và nhà văn...cho tới khi ‘bác’ sang Nga và Tàu từ năm 1923, vậy mà vẫn cứ làm quản lý và viết bài cho báo này tại Pháp cho tới khi báo đình bản. Tất cả

đều do Trần Dân Tiên dựng đứng câu chuyện về Nguyễn Ái Quốc, để thần thánh hóa Hồ Chí Minh, mà cả ba tên đều là Nguyễn Tất Thành. Sự thật ngày nay cho biết, Nguyễn Ái Quốc là tên gọi chung của nhóm người viết trên tờ Người Cùng Khổ (Le Paria), gồm có Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền và trong suốt 38 số báo ấn hành, không có một bài nào hay tranh vẽ của Nguyễn Tất Thành nhưng chàng đã lấu cá nhận vợ cái tên chung của nhóm là Nguyễn Ái Quốc. Sau đó được cơ quan tuyên truyền của đảng CS hợp thức hoá ‘sáng lập và linh hồn hay quản lý báo’. Chưa hết, căn cứ theo sử liệu ta biết từ năm 1923-1946, Hồ đã rời Paris đi Mạc Tư Khoa, Tàu trong lúc đó, vào tháng 01/1926 tại Paris đã xuất hiện tờ Việt Nam Hồng bằng chữ quốc ngữ, thỉnh thoảng có các bài bằng Hán và Pháp Ngữ. Từ tháng 09-1929 lại đổi tên là Phục Quốc, do cơ quan ngôn luận của đảng Việt Nam Độc Lập tại Pháp ấn hành. Trong một vài số báo, có bài viết ký tên Nguyễn Ái Quốc. Sự kiện lịch sử minh bạch như vậy mà đảng vẫn thản nhiên viết là năm 1923, ‘bác’ tại Pháp trong khi thành lập tờ ‘Người Cùng khổ’ đã kiêm nhiệm thêm tờ ‘Việt Nam Hồng’. Những sự thật thì không ai có thể thêm bớt, bóp méo hay xuyên tạc được. Cho nên những lố lằng về huyền thoại Hồ Chí Minh, ngày nay rớt cục đã trở thành những trận cười trong dân gian, dù nó tồn tại hay bị sóng đời vùi dập.

**** Nguyễn Ái Quốc, điệp viên ngoại hạng của cộng sản quốc tế :**

Ngày 15-10-1923, Nguyễn Ái Quốc đại diện cho đảng CS Pháp, tham dự Đại Hội Nông Dân Quốc Tế, tổ chức tại Mạc Tư Khoa. Cũng kể từ đó, Hồ thoát xác thành một con người cộng sản quốc tế, chỉ biết phục vụ cho nền vô sản chuyên chính mà thôi. Để thưởng công, ngoài sự cho báo đảng đánh bóng tên tuổi, chính phủ Liên Xô còn cho Quốc ở lại phục vụ trong thánh địa Đông Phương Hồng, một tổ chức mặt nổi là của Quốc tế cộng sản nhưng bên trong được Cơ Quan Tình Báo Nga (Intercenter –Mainburo) bảo trợ. Theo tổ chức, Ban Phương Đông lúc đó gồm ba khu vực: Miền Tây Trung Hoa, trụ sở tại Chita, nước Mông Cổ. Miền Viễn Đông có trụ sở tại Hải Sâm Uy, phụ trách các nước Mãn Châu, Cao Ly, Nhật Bản và Khu Đông Nam trụ sở tại Thượng Hải, gồm miền Hoa Nam và các nước Đông Nam Á đang là thuộc địa. Ngày 22-01-1924, Lénin chết, Nguyễn Ái Quốc đã làm thơ đăng trên tờ Pravda, khóc thương nước nở và thề trước linh cửu cha già quốc tế, là sẽ biến đau thương thành hành động :

‘Stalin ! Stalin,
Yêu biết mấy, nghe con tập nói
Tiếng đầu lòng, con gọi Stalin
ông Stalin ôi. ông Stalin ôi,
Hỡi ôi ông mất, đất trời có không?
thương cha, thương mẹ, thương chồng
thương mình thương một, thương ông thương mười.’
(Đời đời nhớ ông – Tố Hữu).

Mặc dù tài liệu Đảng dấu chuyện Hồ xuất thân từ trường Stalin nhưng mới đây thư khố

Nga giải mật, bật mí cho ta biết là gần hết cán bộ cao cấp của đảng VC , trong đó có Nguyễn Ái Quốc, đều xuất phát từ lò ‘Viện Thợ Thuyền Đông Phương’. Trường này được Lenin thành lập ngày 21-04-1921, để huấn luyện các cán bộ cộng sản vùng Châu Á, nên gọi là Viện Phương Đông. Sau khi tốt nghiệp, những học viên sẽ trở thành cán bộ cách mạng vô sản chuyên chính về mặt lý thuyết cũng như hoạt động móc nối, tuyên truyền và thu thập tin tức từ quần chúng. Tháng 08-1924 Hồ được Đệ Tam cộng sản Quốc Tế, phong chức ‘Ủy Viên Ban Phương Đông’, phụ trách Cục Phương Nam coi toàn vùng Đông Nam Á. Để che mắt mật thám Tây Phương, Hồ trở thành ‘Lou’, đặc phái viên của hãng Thông Tấn Nga Rosta, kiêm thư ký, thông ngôn cho phái đoàn Borodin của Liên Xô, tại Quảng Châu, qua bí danh Lý Thụy.

Trước khi Hồ tới, Borodin đã móc nối được cả hai phe Trung Hoa Quốc Dân Đảng của Tôn Văn, Tưởng Giới Thạch và Đảng CS. Trung Hoa ngồi lại với nhau, dưới ảnh hưởng của Liên Xô. Do trên, có một số cán bộ cao cấp của Đảng CS. Trung Hoa như Mao Trạch Đông đã được bầu vào Ban Chấp Hành trung Ương Quốc Dân Đảng. Trường Võ Bị Hoàng Phố, do Nga bảo trợ khai giảng ngày 15-06-1924 do Tưởng Giới Thạch làm Giám Đốc, còn Chu Ân Lai phụ trách chính trị. Nhưng một biến cố cực kỳ quan trọng đã xảy ra tại Quảng Châu, trong buổi lễ kỷ niệm lần thứ 13 cách mạng Tân Hợi (10-10-1911), làm nhiều người cả hai phe thương vong, đồng thời đã khiến Tôn Dật Tiên tỉnh mộng, nên ông bỏ lên Bắc Kinh để họp bàn chuyện thống nhất đất nước và kêu gọi tình hữu nghị Hoa-Nhật, khiến Liên Xô thất vọng vì kế hoạch bị đổ vỡ nửa chừng.

Khi Lý Thụy, một tên mới của Nguyễn Tất Thành, tới Quảng Châu, thì ở đây đã có nhiều người Việt sinh sống, phần lớn làm việc trong Sa Diện, tô giới Pháp, hai khu vực được ngăn cách bằng con sông Châu Giang. Nhờ các quan địa phương như Hồ Hán Dân rất có cảm tình với người Việt, nên đã giúp đỡ những chính khách lưu vong bị Pháp săn đuổi phải chạy sang Tàu trốn lánh như Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Thiện Thuật cho tới Phan Bội Châu. Theo Niên Biểu, thì Sào Nam và Cường Để đã lập Việt Nam Quang Phục Hội tại đây, trong đó có nhóm Tâm Tâm Xã của một số thanh niên Việt Nam yêu nước. Tâm Tâm Xã gồm 9 đảng viên, đa số là người Nghệ An, có học thức, chủ trương bạo động gồm Phạm Hồng Thái, Lê Hồng Sơn. Mùa thu 1924, Phan Bội Châu và Nguyễn Hải Thần đã yêu cầu Tưởng Giới Thạch, lúc đó là Giám Đốc trường Võ bị Hoàng Phố, thu nhận các sinh viên Việt Nam vào thụ huấn và được ông chấp thuận. Do cảm tình và cũng nhận thấy giữa hai đảng cách mạng Việt Nam và Trung Hoa Dân Quốc lúc đó, đều có chung mục đích, đánh đuổi giặc xâm lăng ra khỏi đất nước mình, nên Phan Bội Châu đã đổi danh xưng Việt Nam Quang Phục Hội, thành Việt Nam Quốc Dân Đảng và uỷ cho Hồ Tùng Mậu phổ biến trong nước. Đây cũng là giai đoạn mà các sử gia dày công tìm kiếm về mối liên hệ giữa cụ Phan Bội Châu và Lý Thụy, dẫn tới nghi án Hồ Chí Minh cùng Lâm Đức Thụ bán đứng Phan Bội Châu cho Pháp bắt tại tô giới Thương Hải năm 1925, mà sử liệu đã nhắc tới. Theo niên biểu Phan Bội Châu, cho thấy Sào Nam có gặp Nguyễn Ái Quốc đôi ba lần và trùm cộng sản Lý Thụy đã nhắc cụ thay đổi đảng cương Việt Nam Quốc Dân Đảng, thời gian khi Hồ ở Tàu cuối năm 1924. Cũng năm này, Phạm Hồng Thái, một đảng viên của Việt Nam Quang Phục Hội, nhân Toàn Quyền Đông Dương là Martial Merlin (1923-1925), ghé Sa Diện, sau khi từ Nhật Bản về Hà Nội. Phạm Hồng Thái đã giả làm một phóng viên nhà báo, mang bom vào tận phòng ăn của tên giặc Pháp, quyết giết kẻ xâm lăng nhưng bom nổ chỉ làm Merlin bị thương nhẹ, trong lúc có 4 tuý tùng chết và 4 người khác bị thương. Xong nhiệm vụ, người chiến sĩ thoát thân nhưng vì con

sông Châu Giang trước mặt. Cuối cùng ông cũng đền xong nợ nước và sau đó được chính người Trung Hoa, trân trọng cho ông nằm nghỉ nghìn thu bên cạnh 72 liệt sĩ trong cuộc cách mạng Tân Hợi 1911, trên Hoàng Thạch Cương, khói hương miên viễn. Tên thực dân thoát chết nhưng cũng vỡ mặt lại càng căm hận người Việt Nam yêu nước, còn thế giới thì chân động và kính phục cháu con Hồng Lạc, bất khuất anh hùng.

2 - Đông Dương cộng sản đảng :

Theo sử liệu, thì vào năm 1921, Phan Bội Châu đã từng tiếp xúc với Grigorij, đặc sứ của đệ tam quốc tế cộng sản tại Bắc Kinh, để được hứa hẹn giúp đỡ và bắt buộc theo chủ nghĩa vô sản, Cho nên chắc chắn khi cụ gặp Hồ tại Quảng Châu, thì cũng rõ chân tướng của Quốc, kể luôn thời gian bị giam lỏng tại Bến Ngự suốt 15 năm, nhưng chắc chắn những hành động bán nước, bán bạn, kể cả việc dụ dỗ để chiếm đoạt tổ chức 'Tâm Tâm Xã' và đưa họ vào con đường phản quốc của Hồ. Tất cả, ông đều biết, nhưng vì là một bậc chính nhân quân tử, Phan Bội Châu giữ im lặng, phó mặc cho đời sau xét xử và công lý đã làm sáng tỏ.

Theo các tài liệu hiện còn lưu trữ nhất là của Đảng VC thì tiền thân của đảng cộng sản Việt Nam là Nhóm Tân Việt Thanh Niên Đoàn hay Tâm Tâm Xã của Việt Nam Quang Phục Hội do Phan Bội Châu và Cường Để thành lập. Sau đó là Việt Nam Kách Mệnh Thanh Niên Hội rồi Việt Nam Kách Mệnh Đồng Chí Hội, lung tung danh xưng, như chính con người Nguyễn Tất Thành, xác chỉ một mà tên thì có hàng trăm không biết đầu mà mò. Thật ra, các tổ chức trên chỉ một tổ chức ngoại vi với các tên tuổi có sẵn của Tâm Tâm Xã, để Hồ lấy đó thu hút và dụ dỗ các thanh niên yêu nước đang lạc lõng trên con đường chống Pháp. Quyết định mọi sự đều do một tổ chức bí mật của Hồ đứng sau lưng, tức là Đoàn cộng sản gồm những thành phần thân tín tuyển chọn, mà trong tài liệu của Ban Phương Đông gọi là Việt Nam Kách Mệnh Hội (viết theo chữ của Nguyễn Ái Quốc). Một bi thảm khác rất quan trọng mà ít người để ý tới, là từ xưa nay hầu hết những người Quốc Gia dân thân, dù là ai chẳng nữa cũng phải tự mưu sinh kiếm sống để hoạt động sinh tồn, cho nên họ dễ bị thất bại hay dang dở nửa chừng, điển hình là Việt Nam Cộng Hòa qua cuộc chiến ngăn chống cộng sản quốc tế từ năm 1955-1975, đã phải bỏ dở cuộc chiến thắng gần kề, vì không còn phương tiện tự tồn khi bị Hoa Kỳ phản bội và tháo chạy. Trái lại VC nhất là Hồ Chí Minh, từ lúc bán thân cho đệ tam cộng sản quốc tế Liên Xô, thì không hề lo tới chuyện ăn sống. Liên Xô lúc đó qua chủ trương xuất cảng chủ nghĩa Tam Vô khắp thế giới, nên vơ vét hết tài nguyên của đất nước mình, để vung tiền mua chuộc người theo, nhất là với Trung Hoa ĐANG ĐÓI NGHÈO, LẠC HẬU VÀ BỊ Tây Phương-Nhật Bản ức chế. Lý Thụy tức Hồ Chí Minh may mắn lọt vào kho vàng, vừa yên ổn múa may trên đất Tàu lại có hậu phương LX to lớn yểm trợ, thì sao không khuyến dụ được những thanh niên yêu nước, lúc đó đang sống bơ vơ thiếu thốn và đầy hiểm nguy trên đất Tàu, Nhật, Thái và khắp Âu Châu. Cuối cùng Nguyễn Ái Quốc vốn là một người làm chánh trị chuyên nghiệp, được đào tạo từ lò Lenin để làm chánh trị nhà nghề. Bởi vậy người Quốc Gia chỉ với tấm lòng yêu nước nồng nàn, thì thất bại trước giặc cướp, cũng đâu có gì là lạ.

Để đạt mục đích nhuộm đỏ quê hương, đầu tiên là phải có thực lực và Nguyễn Ái Quốc đã trồng người và những cây người mọc rễ từ Tâm Tâm Xã có trước như Lê Thiết Hùng, Lê Quang Đạt, Trương văn Lệnh, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Trần Phú. Tóm lại, tất cả

đều là người Việt bằng xương thịt nhưng tim óc do Liên Xô tưới trồng với nhiệm vụ duy nhất ‘quảng bá tư tưởng Mac-Lê’ trên quê hương Việt Nam. Bắt đầu từ ngày 21-6-1925, Hồ qua tổ chức Việt Nam Cách Mệnh Thanh Niên Hội, bắt đầu truyền bá tư tưởng Lenin, qua các báo Thanh Niên, Lính cách mệnh, Công Nông, Tiền Phong. Theo sử liệu, thì cơ sở VC đầu tiên trong nước là Kỳ Bộ Nghệ-Tĩnh vào năm 1926, do Lê Huy Lập làm Bí thư. Kế tiếp mới tới Hải Phòng, Hà Nội và sau rốt là Nam Kỳ. Tuy nhiên dù được tổ chức chặt chẽ, có đầy đủ tiền bạc, phương tiện nhưng lúc đó không có bao nhiêu người biết Việt Nam Cách Mệnh Thanh Niên Hội hay Nguyễn Ái Quốc là gì. Trái lại khắp nước, mọi người nô nức gia nhập các đảng phái Quốc Gia vừa được thành lập như Việt Nam Quốc Dân Đảng của nhóm Nguyễn Thái Học, ra đời tại Bắc Kỳ năm 1927. Tại Trung Kỳ có Việt Nam Cách Mạng Đảng hay Tân Việt Đảng. Trong Nam, mọi người theo Đảng Lập Hiến và Cao Đài giáo. VC bấy giờ chẳng những bị dân chúng tẩy chay, mà còn bị Mật Thám Pháp ruồng bỏ, nên rốt cục các thủ lĩnh như Phạm Văn Đồng, Nguyễn Lương Bằng, Hoàng Văn Hoan phải trốn sang Xiêm La, Tàu hay bị bắt. Cũng trong năm 1925, Phan Bội Châu bị mật thám Pháp bắt cóc ở Thượng Hải, rồi bí mật giải về Hà Nội hiện nay vẫn còn là một nghi án, mặc dù đa số tài liệu trong và ngoài nước, đều xác quyết do Lý Thụy, tức Hồ Chí Minh cùng Lâm Đức Thụ, bán đứng cho thực dân, để nhận số tiền thưởng rất lớn lúc đó, lên tới 150.000 phật lạng. Cũng tại Quảng Châu, theo tin tình báo của Pháp, ngày 18-10-1926, bác ‘Hồ’ cưới một nữ hộ sinh người Hoa trong đảng CS Trung Hoa tên Tăng Tuyết Minh, làm vợ. Sau này vào tháng 05-1991, báo Nhân Dân và Tuổi Trẻ của VC mới chịu đăng tin xác nhận là ‘bác’ cũng có vợ như mọi người.

Tại Trung Hoa, đầu năm 1925, Tôn Dật Tiên qua đời đột ngột, khiến nội bộ TH Quốc Dân Đảng phân hoá trầm trọng vì tranh giành quyền lực. Trong lúc đó đảng CS Trung Hoa, từ phong trào Ngũ Tứ ngày 04-05-1919, của 3000 sinh viên biểu tình chống Hội Quốc Liên, bắt Tàu cắt nhượng Tô Giới Đức cho Nhật Bản. Trong phong trào này, hàng lãnh đạo có nhiều người Mácxít tả phái như Trần Độc Tú, Trương Thái Lôi, Lý Đại Chiêu đã giúp cho đảng bành trướng rất nhanh, tới tháng 07-1921 khắp nước đã có hơn 60.000 đảng viên hoạt động. Rồi ngày 30-05-1925, toàn quốc phát động phong trào Ngũ Táp, đình công bãi thị, khiến Nhật, Anh, Pháp tại các tổ giới thẳng tay đàn áp, đe dọa trầm trọng tình trạng an ninh khắp nước. Để cứu vãn tình hình, trong tháng 03-1927, Tưởng Giới Thạch từ miền Nam xua quân lên Bắc, mượn danh đánh Nhật, bắt thần tiêu diệt toàn bộ cơ sở của đảng cộng sản Trung Quốc tại Bắc Bình, Thượng Hải, treo cổ lãnh tụ Lý Đại Chiêu. Khắp nơi, quân Quốc Dân Đảng xuống tay tiêu diệt trọn vẹn từ cơ sở tới chi nhánh, đảng bộ..khiến cộng đảng chỉ còn đường trốn chạy. Tính đến tháng 12-1927 hơn 40.000 đảng viên cộng sản Trung Hoa đã bị Tưởng Giới Thạch bắt giết, khiến Chu Đức, Mao Trạch Đông phải chạy về vùng nông thôn tỉnh Giang Tây cố thủ. Tại Quảng Châu, trụ sở đảng Việt Nam Cách Mệnh của Hồ bị tàn phá. Hồ Tùng Mậu bị bắt, các thanh niên Việt Nam đang theo học tại trường Võ Bị Hoàng Phố bị giam lỏng để thanh lọc. Borodin bị gọi về Liên Xô, còn Hồ thì trốn theo cánh quân Trung Cộng tới Sa Đầu để về Nga Sô Việt. Tóm lại giai đoạn đi thực tế để trở thành một chuyên viên cộng sản, Hồ đã hoàn thành và cũng kể từ đó, chỉ còn có một bốn phận duy nhất ‘tiếp tục trung thành, hữu dụng cho đế quốc Liên Xô và mưu đồ độc chiếm ngai vàng cho mình’.

Nhờ em ruột của Nguyễn thị Minh Khai là Nguyễn Hữu Dung, mới đây có khoe thành tích của anh rể mình là Lê Hồng Phong, trên báo đảng Thế Giới Mới, số 328 ngày 22/03/1999, chúng ta mới biết thêm nhiều chuyện cán bộ VC bí mật theo học tại Liên Xô

mà trước đây Đảng dẫu nhem vì sợ bại lộ chân tướng. Theo tài liệu cho biết, trước khi Hồ Chí Minh qua nhân vật Lý Thụy tới Quảng Châu để phụ tá Toàn Quyền Liên Xô là Boradin, thì tại đây đã có tổ chức Tâm Tâm Xã thuộc VN Quang Phục Hội, do Phan Bội Châu và Cường Để thành lập. Trong nhóm đa số gồm nhiều thanh niên yêu nước trí thức, đa số người hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, trong đó có Phạm Hồng Thái, Lê Hồng Phong. Chính Phan Bội Châu đã can thiệp với Tưởng Giới Thạch, lúc đó là Giám Đốc Chỉ Huy trưởng Trường Sĩ Quan Hoàng Phố, thu nhận các thanh niên VN vào học. Do trên Lê Hồng Phong đã được nhập học tại đây từ tháng 07/1924. Năm 1925, Hồ và Lâm Đức Thụ bán Phan Bội Châu cho Pháp, đồng thời tiếm trọn tổ chức Tâm Tâm Xã lúc đó như rần mất đầu, bằng tiền bạc, khuyến dụ đưa những thanh niên yêu nước chân thành trong trắng, bước vào con đường nhuộm đỏ VN, cũng như giúp xác, máu, đưa Hồ lên đài danh vọng. Do trên, vào tháng 10/1926, Lý Thụy bí mật đưa nhiều thanh niên như Lê Hồng Phong, Trần Văn Giàu ... sang học tại trường Phương Đông Lenin – Liên Xô. Trước đây không ai biết trường này đã dạy những gì nhưng theo lời Nguyễn Hữu Dung, thì tại đây Lê Hồng Phong được học đủ thứ, qua một thời gian dài từ tháng 10/1926 cho tới năm 1931, mới tốt nghiệp. Theo đó thì Phong đã trải qua các khóa Lý luận quân sự không quân tại Leningrad, lớp phi công tại Borisoglevsk, trước khi chính thức vào học các khóa 2 và 3 tại trường Phương Đông mà Hồ đã học khóa trước. Cũng nhờ khoe, mà chúng ta biết thêm được chuyên có nhiều người VC đã cầm súng bảo vệ cho LX, khi nước này bị Đức tấn công ngày 21/06/1941. Do trên, ngày 12/12/1985 nhân dịp kỷ niệm 40 năm LX chiến thắng Đức Quốc Xã, đích thân E.C.Ligachov, Ủy viên Bộ Chính Trị Cộng đảng LX, đã ký sắc lệnh truy tặng huân chương chiến tranh vệ quốc hạng nhất cho 5 VC đã thí mạng bảo vệ Mạc Tư Khoa khi bị Đức tấn công. Đó là Vương Thúc Chính, Lý Nam Thanh, Lý Thúc Chất, Lý Anh Tạo đã được Lý Thụy gửi từ Quảng Châu tới Nga, trong lúc họ mới lên 12 – 13 tuổi. Ngày 14/08/1941, Liên Xô thành lập Lữ Đoàn Bộ Binh Cơ Giới, gồm toàn cán bộ cộng sản chừ hầu đang có mặt ở đây, trong đó có VC, để bảo vệ thủ đô. Ngày 07/11/1941, Lữ Đoàn này được lệnh ra tiền tuyến, đối mặt với quân Đức và sau đó không có một người sống sót. Hiện cuộc tìm kiếm những oan hồn lãng tử VC tại Nga chưa chấm dứt nhưng Đảng đã rất lấy làm vinh dự có 12 đồng chí VN, noi theo bước chân lãnh tụ vĩ đại Nguyễn Ái Quốc, đã xả thân phục vụ tốt cho nước tổ Liên Xô.

Thời gian này trong nước cũng xảy ra nhiều biến cố thật quan trọng. Năm 1925 vua Khải Định mất, đồng thời với cái chết của Phan Chu Trinh tại Sài Gòn và vụ án Phan Bội Châu làm xôn xao cả nước. Ngày 08/01/1926 Đông Cung Thái Tử Vĩnh Thụy lên ngôi Hoàng Đế An Nam, lấy hiệu là Bảo Đại, tiếp tục quyền hành của một ông vua bù nhìn, chỉ lo nhiệm vụ xuân thu nhị kỳ tế cúng và ký sắc lệnh phong thần cho các làng xã. Việc nước đã có người Pháp chủ trì qua đám đại thần ‘nghị gật’ trong cái ‘cơ mật viện’ triều mật Nguyễn. Thẻ chế chính trị kỳ lạ này, được Pháp gọi là ‘nền quân chủ lập hiến An Nam’. Sau đó Hoàng Đế trở lại Paris tiếp tục chuyện học, còn nước non thì mặc cho đế quốc Pháp lo liệu. Nhờ vậy nhà vua đã nói và viết tiếng Tây còn thông thạo hơn tiếng Việt mẹ đẻ của mình. Ngày 23/11/1925, Pháp mở phiên tòa đại hình tại Hà Nội để xử Phan Bội Châu. Ngay tức khắc, cả nước từ nam tới trung-bắc, hầu như tất cả mọi người, mọi đảng phái từ Phục Việt, Thanh Niên cho tới nhóm Jeune của Phạm Quỳnh đều nhất loạt đứng lên tranh đấu cho nhà ái quốc, khiến cho thực dân phải nhượng bộ, ân xá cho Sào Nam, chỉ bắt ông phải sống tại Huế, qua sự kiểm soát gắt gao của Chánh Sở mật thám Trung Kỳ là Léon Sogny. Từ đó cụ sống ẩn dật bên lề lịch sử cho tới lúc qua đời vào năm 1940, nhưng ngọn lửa đấu tranh và tiếng thơm của người chí sĩ, đã được các thế hệ em, con thay

nhau tiếp nối, làm rạng danh ông ngàn đời trong dòng sử Việt. Tại Sài Gòn, Phan Chu Trinh bệnh nặng và mất ngày 26/03/1926. Theo nhận xét của các sử gia, con đường đấu tranh của ông lúc còn sinh tiền, chỉ để chống lại chế độ quân chủ nhưng tôn thờ nước Pháp làm thầy để học hỏi. Tuy vậy, quốc dân VN vẫn kính trọng những người yêu nước, và toàn quốc đã tổ chức Lễ Quốc Táng Phan Chu Trinh ngày 04/04/1926 tại Sài Gòn, trong sự đàn áp của người Pháp nhưng tất cả đều vô vọng, chứng tỏ tinh thần quốc gia yêu nước của người Việt thế hệ mới, đang đối mặt công khai chống lại giặc cướp, sau 60 năm bị đô hộ. Đây cũng là niềm tự hào của một dân tộc, có truyền thống lâu đời về sự đánh đuổi ngoại xâm và cũng từng ngang dọc một thời khắp miền nam Á Châu, khiến cho Trung Hoa cũng phải kiêng dè nể sợ. Cho nên chuyện khôi phục lại đất nước sớm muộn cũng phải có, đó là tâm nguyện và ý chí của người đương thời, giống như chúng ta hôm nay cũng đang hoài vọng. Trong lúc đó, nền kinh tế VN hoàn toàn do thực dân Pháp và một thiểu số người Âu nắm giữ. Sự giàu sang sung sướng hoàn toàn thuộc về giai cấp nắm quyền, bao gồm Pháp, quan lại Nam triều, các đại gia đình điền chủ thương gia đã đầu hàng Pháp và bọn Hoa kiều tập trung tại Sài Gòn-Chợ Lớn và các thành phố, toa rập với Pháp, độc quyền lúa gạo cùng hệ thống mua bán hàng tạp hóa, trong đó có cá mắm và các sản phẩm nội hóa, kê luôn nhà đất, dịch vụ chuyên chở. Người Việt hoàn toàn chỉ là hạng tiểu tốt, nô dịch làm công cho bọn chúng mà thôi. Thêm vào đó là hiện tượng chia rẽ người ba kỳ, qua cái chính sách thâm độc phân chia nước VN gần như ba quốc gia riêng biệt với địa giới, ngân sách và luật pháp mỗi vùng. Từ năm 1920, đại đa số nông dân cả nước chỉ làm công cho chủ, nhiều người nghèo cực ở Bắc và Trung Kỳ phải bỏ xứ vào Nam hay sang Cao Miên, Tân Đảo làm phu đồn điền cao su, trà, sớ đường mía cho thực dân Pháp. Tóm lại qua chế độ nô lệ cướp bóc dã man này, bất cứ gia đình nào, dù là nông dân, làm biển, lao động cũng đều lâm vào cảnh nợ lút đầu, rốt cục phải trắng tay vì nợ nần, lãi xuất quá cao của bọn chủ đồn điền, chủ đất, chủ nhà người Ấn-Hoa-Pháp kiều và đám nhà giàu bản xứ, trong đó có bọn đầu nậu, chủ nhân ông của những người làm nghề hạ bác nghèo cực trên đầu sóng ngọn gió ngoài biển cả. Báo chí cũng bắt đầu phát triển khắp ba kỳ với các ấn phẩm tiên phong bằng Việt Ngữ như Lục Tỉnh Tân Văn, Đông Pháp Thời Báo, Trung Lập, Thân Chung, Thực Nghiệp Dân Báo, Nam Phong, Hữu Thanh, Tiếng Dân. Ngoài ra còn có vài tờ báo phụ nữ như Phụ Nữ Tân Văn, Phụ Nữ Thời Đàm. Trường học cũng phát triển nhất là các trường tư vì trường công ít lại thi tuyển rất khó khăn nhưng quan trọng nhất vẫn là trường Pháp-Nam được mở hầu hết tại các tỉnh, thị, giúp một số lớn tầng lớp thanh thiếu niên trên con đường tân học, sau khi các khóa thi cuối cùng của Khổng Hán kết thúc năm 1919.

Trong giai đoạn này, đạo Thiên Chúa với hai hệ phái La Mã và Tin Lành bước vào thời kỳ vàng son và phát triển mạnh. Năm 1929, theo thống kê VN đã có gần 2 triệu giáo dân với 10 giáo phận. Tài sản và quyền lực của các Hội Thánh mênh mông vô tận, đến nỗi nhà cầm quyền Pháp cũng không biết đâu mà lường. Hầu hết các giám mục tại địa phận là người Pháp hay Tây Ban Nha. Trong lúc đó các tôn giáo cổ truyền của người Việt như Phật-Khổng-Lão cũng bắt đầu hồi phục, rầm rộ nhất là các Hội nghiên cứu Phật Giáo, gia đình Phật tử, Hội Khổng Học, Khai Trí Tiến Đức. Tại Nam Kỳ, hình thành Giáo Phái Cao Đài hay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tín đồ có cả người Pháp, ảnh hưởng lan rộng tới Nam Vang và Ba Lê. Do trên Pháp bắt đầu theo dõi giáo phái này, theo lệnh của Thống Đốc Nam Kỳ là Le Fol. Các Hộ Pháp Lê Văn Trung, Phạm Công Tắc bị giám sát, lệnh cấm xây cất thánh thất tại Nam Kỳ có hiệu lực năm 1929, cũng như cấm truyền đạo tại Trung Kỳ. Năm 1931, Bắc Kỳ và Cao Miên cũng cấm đạo Cao Đài.

Từ những biến chuyển trên, công cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp cũng bước vào một lối rẽ quan trọng với hai khuynh hướng chính trị: Hợp tác và chống Pháp bằng võ lực. Phái hợp tác chủ trương ‘Pháp-Việt đề huề’ hay như Phan Chu Trinh khi còn sống ‘thờ người Pháp làm người Pháp làm bậc thầy để cầu tiến bộ’ đứng đầu có Phạm Quỳnh, Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long...chỉ mong chủ Pháp nả cho một chút quyền hạn. Cũng thuộc nhóm này, có Nguyễn An Ninh, Phan Văn Trường theo gương Phan Châu Trinh, đòi thêm phần bãi bỏ chế độ quân chủ, đồng thời cải thiện tình trạng xã hội, giáo dục, luật pháp. Nguyễn An Ninh phát hành tờ báo bằng tiếng Pháp tại Việt Nam ‘La Cloche Fêlée’ – Chuông Rê’, được coi như tờ báo đầu tiên của người Việt, công khai đối lập với Pháp. Khuynh hướng chống Pháp bằng võ lực, bắt đầu từ phong trào Văn Thân, Cần Vương được nối tiếp bởi Phan Bội Châu, Cường Để và Nguyễn Hải Thần qua Việt Nam Quang Phục Hội rồi Việt Nam Cách Mệnh Đảng hay Phục Việt do Lê Huân thành lập tại Côn Đảo. Từ tháng 07/1925, đảng đổi tên là Hưng Nam, hoạt động tại Nghệ An, quy tụ nhiều thành phần ưu tú gồm công chức, sinh viên thời đó như Đào Duy Anh, Tôn Quang Phiệt, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Vĩnh. Tiếc thay Đảng yêu nước đã bị Nguyễn Ái Quốc khuyến dụ và trở thành công cụ cho đảng cộng sản cùng Hồ vào năm 1929, sau khi lãnh tụ Lê Huân chết trong tù ngục tỉnh Nghệ An.

Trong giai đoạn này, nổi bật hơn hết vẫn là Việt Nam Quốc Dân Đảng, được thành lập ngày 24/12/1927 do hai lãnh tụ Nguyễn Thái Học và Nguyễn Khắc Nhu tại miền Bắc, theo khuynh hướng Tam Dân Chủ Nghĩa của Tôn Dật Tiên. Cuối năm 1928, đảng bành trướng mạnh khắp nước với hơn 100 chi bộ và 1500 đảng viên. Nhiều cán bộ đảng hoạt động trong quân đội Pháp. Nhưng sau vụ tên Pháp kiêu Horne Bazin, giám đốc công ty mộ phu đồn điền cao su bị ám sát tại Hà Nội ngày 17/02/1929, Pháp bắt đầu triệt hạ Việt Nam Quốc Dân Đảng, nhiều cán bộ cao cấp bị bắt, chỉ có Nguyễn Thái Học và Nguyễn Khắc Nhu trốn thoát nên đầu năm 1930 đã ra lệnh Tổng Khởi Nghĩa.

Lúc này Nguyễn Ái Quốc an vị tại Liên Xô tuy Đệ Tam Quốc Tế cộng sản hay Việt Nam Cách Mệnh Thanh Hội vẫn hoạt động tại Việt Nam nhưng chỉ là cái bóng mờ trước Việt Nam Quốc Dân Đảng, Hưng Nam và Cao Đài giáo. Theo Chánh Đạo trong ‘Hồ Chí Minh 1925 - 1945’ thì vì ganh tỵ, tranh chấp, cộng sản đã giở thủ đoạn VIỆT GIÀN, rải truyền đơn hay báo cáo mật, để mật thám Pháp, giúp VC triệt hạ các đảng phái Quốc Gia đang chống giặc.

Tại Liên Xô, Stalin lên kế quyền Lenin đã gây cảnh huynh đệ tương tàn, ngày 14/11/1927 đã trục xuất Trotsky và Zinoviev là hai đồng chí của Lenin, ra khỏi đảng cộng sản Nga, đồng thời đẩy họ tới Tây Bá Lợi Á rồi tháng 01/1929, Trotsky bị trục xuất khỏi Liên Xô. Từ đó, Stalin ban lệnh tiến tới ‘xã hội chủ nghĩa’ mà thí điểm đầu tiên là nước Nga. Nguyễn Ái Quốc được lệnh công tác tại Bá Linh, sau khi đề nghị Trần Phú làm Bí thư nhóm VC đang hoạt động tại Việt Nam, đồng thời xin cho Lê Hồng Phong vào học tại Viện thợ thuyền Đông Phương. Đầu năm 1928, Nguyễn Ái Quốc được lệnh trở lại hoạt động tại Đông Nam Á, địa bàn lần này là Xiêm La, theo Hoàng Văn Hoan, Hồ có mặt ở đây vào tháng 06/1928. Ở đây, Nguyễn Tất Thành qua Nguyễn Ái Quốc, Lý Thụy nay là Mr Tho, Nam Sơn và Thầu Chín. Giữa lúc Hồ đang quốc tế vận, thì đảng VC trong nước qua Nghị quyết hành động của Đại Hội của Quốc Tế cộng sản lần thứ VI năm 1928, đã tách thành 5 nhóm cùng những hiềm khích bùng nổ lớn. Nói chung từ tháng 09/1929 Việt Nam Cách Mệnh Thanh Niên Hội coi như tan rã, Quốc phải xin lệnh Stalin cho mình giải quyết. Đầu năm 1930, Quốc tới Hồng Kông để hàn gắn tranh chấp nội bộ, giữa hai đảng

Đông Dương cộng sản đảng và An Nam cộng sản đảng. Cuối cùng Quốc đưa lệnh của Bộ Phương Đông, khiến hai phe đồng ý hợp nhất thành một, đó là ‘Đảng cộng sản Việt Nam’, do Trần Phú (1904- 1931) được Liên Xô chỉ định là Tổng Bí Thư đầu tiên.

Hai cuộc nổi dậy của VN Quốc Dân Đảng vào dịp Tết Canh Ngọ (1930) và các cuộc biểu tình bạo động của giới lao công và nông dân, từ tháng 06/1930 tới giữa năm 1931, dù thất bại nhưng cũng đã gây chấn động khắp nước và lan tới Pháp, mở màn cho cao trào đấu tranh của người Việt, dù thực dân tại Đông Dương cố đánh dẹp. Ngày 26-01-1930 tại hội nghị Phú Thọ, đảng trưởng Nguyễn Thái Học, quyết định tổng khởi nghĩa, trong đêm giao thừa tết Canh Ngọ. Ông tuyên bố ‘không thành công cũng thành nhân’, chứ không thể sống mãi đời nô lệ nhục nhã dưới gót giày nô lệ ngoại bang. Cuộc chiến đã thất bại vì nghĩa binh không đủ thực lực chống với giặc Pháp có đầy đủ phương tiện chiến tranh. Làng Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Dương bị bom của Pháp san bằng, hầu hết cán bộ trong đảng bị bắt, ngày 17-6-1930, Đảng trưởng Nguyễn Thái Học cùng 12 đồng chí lên đoạn đầu tại Yên Bái. Ông và các anh hùng đã chết nhưng khí tiết và danh dự luôn là ngọn đuốc soi sáng tâm hồn các thế hệ trong dòng sử Việt. Cũng từ đó, qua ảnh hưởng cuộc khởi nghĩa trên, cộng với hoàn cảnh kinh tế khủng hoảng, đã tạo nên tình trạng rối loạn khắp nước. Lợi dụng cơ hội trên, Trần Phú và cán bộ đảng VC, sách động dân chúng biểu tình chống phá Pháp khắp nơi nhưng rầm rộ nhất là tại Nghệ An, khiến cho hàng trăm người bị Pháp bắn chết. Cũng trong giai đoạn hỗn loạn này, lần đầu tiên tại VN, cán bộ cộng sản quốc tế, đã rập khuôn Trung Cộng, biến biểu tình thành du kích chiến, tổ chức các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, thiếu nhi gọi là Sô Viết, tại hai huyện Nam Đàn và Thanh Chương, nên sau này mới có danh từ Sô Viết Nghệ Tĩnh. Hậu quả của cuộc xúi bậy này, làm cho Toàn Quyền Đông Dương Pasquier cho lệnh bắn giết thẳng tay bằng phi cơ giới bom làng mạc, song song với cuộc tảo thanh của Lính Lê Dương, gây nên cảnh tang tóc chưa từng có cho những lương dân vô tội, trước cảnh đao thớt đoạn trường. Loạn lạc kéo dài tới nửa năm 1931, khi cán cộng đầu sỏ không còn và nạn đói khắp nơi, mới tàn lụn. Ngày 10/10/1931 Tại Cửu Long-Hương Cảng, Trần Phú mở hội nghị Trung Ương Đảng lần thứ 1, ngoài việc gián tiếp chỉ trích sự bất tài của Nguyễn Ái Quốc, còn đổi tên VN cộng sản đảng thành Đông Dương cộng sản đảng. Do trên Quốc không tới tham dự dù cũng còn chỉ huy Chi Nhánh Bộ Phương Đông của Sô Viết tại Hồng Kông. Từ đây, âm mưu tài trợ của Stalin cho các đảng cộng sản địa phương làm loạn, đã khiến thực dân Tây Phương liên kết với nhau, để chống đỡ. Cũng từ đó, Cục Phương Nam do Hồ chỉ huy cùng thủ hạ đang hoạt động tại VN, bị mật thám các nước lùng bắt dữ dội. Tháng 04/1931 Nguyễn Ái Quốc, Hồ Tùng Mậu, Nguyễn thị Vĩnh bị Anh bắt tại Hồng Kông. Trong nước Trần Phú chết trong tù. Đây cũng chỉ là cuộc tắm máu khởi đầu (1930-1931) của Quốc Tế cộng sản, vì phía sau còn có một hậu phương vĩ đại, chịu chung tiền bạc, vũ khí và bạo lực, để đạt được thắng lợi cuối cùng, là nhuộm đỏ cả thế giới, trong đó có Đông Dương.

Cũng trong chuyện dài về Nguyễn Tất Thành-Hồ Chí Minh, huyền thoại đáng kể nhất là vụ Nguyễn Ái Quốc chết trong nhà tù Hồng Kông vào cuối năm 1932, vì nghiện thuốc phiện và bị bệnh lao. Vụ này trước sau, từ Hồ Chí Minh, Nguyễn Lương Bằng, Võ Nguyên Giáp cho tới cơ quan tuyên truyền của VC, đều nói là do Pháp phao tin để làm hạ uy tín Hồ. Riêng vợ luật sư Frank Loseby, người được cộng sản Quốc Tế mượn để biện hộ cho Hồ, sau năm 1969 khi ‘bác’ chết, đã nói tin đó là có thật, và do chính chồng bà tung ra, để đánh lạc hướng mật thám Pháp. Cuối cùng, theo các sử gia, việc Nguyễn Ái Quốc ‘giả chết’ đều theo ý Liên Xô, nhằm phục vụ nhu cầu chính trị. Với Nga, Nguyễn

Ái Quốc chết mới có cơ hội đưa các cán bộ khác lên thay thế và gầy dựng lại đảng VC đã bị tan tác. Với Tây Phương, khai tử con người cộng sản quốc tế chuyên nghiệp, để một bí danh mới của Nguyễn Tất Thành đóng vai điệp viên tam trùng, đang cần thiết tại mặt trận Viễn Đông sắp tới. Tất cả đều nằm trong vòng bí mật và có lẽ chẳng bao giờ tình báo Nga, chịu mở hồ sơ vụ trên, dù Hồ đã chết thật từ lâu rồi.

Nay qua dòng thế sự, góp nhặt những chuyện đời, để rồi tọc mạch kể lại cho thế gian vui. Nguyễn Du đã ôm bộ ngực gầy xương giữa trời lộng gió, trên đỉnh Hồng Lĩnh nhưng muôn đời sau, người ta vẫn tìm đến với thi nhân, để cùng cảm thông chung manh áo lạnh. Trong cuộc đời thường nhân thế, đôi vợ chồng nào cũng có lúc rúc rích trong hơi nồng ấm rồi ngói bên nhau trước lò bánh căn thơm lừng hương gạo mới, vừa ăn vừa run trong cái lạnh bất chợt của những ngày sang mùa tại Phan Thiết. Đường vào lịch sử Hồng Lạc cũng vậy, giống như ba thế kỷ nỗi dài của Bình Thuận, từ một vùng le te vài ba chục Làng Chàm, lau sậy hoang vu nhưng có đầy những thân cây đa ma gốc gạo, trong Thuận Trấn, sau đó con người phải dùng xương máu làm thảm lót đường bước vào tạo dựng, mới mọc lên một cõi thênh thang phường phố lâu đài. Hưng thịnh, tồn vong, thảo khấu hay là chính thống, đều không qua khỏi những dòng chữ đá trên bia sử. Cho nên ngày nay, ta đọc câu chuyện sử về người trăm mặt Nguyễn Tất Thành, cũng chẳng qua chỉ đọc lại những câu chuyện kể về vận nước, mệnh người khiến cho đời được đời đời, khen chê, xưng tụng. Xuôi nam hay ngược bắc, trong gió ngàn bay, nhìn ra biên lộng, đâu đâu cũng thấy chiến thuyền của chúa Nguyễn căng buồm lướt sóng hay vó ngựa chân voi dòn dập của người anh hùng Nguyễn Huệ danh trấn non sông. Nhưng rồi ngao ngán biết bao, khi lạc đường vào lịch sử, để phải đọc những huyền thoại gian dối của ‘bác’, làm cho hồn vừa giận vừa cười. Quả thật, trong dòng lịch sử VN, lời hết những đại gian hùng giết vua phế chúa như Trần Thủ Độ, Hồ Quý Ly, Mạc Đăng Dung, Trịnh Kiểm, Trương Phúc Loan, Phan Khắc Hoè, Dương Văn Minh đem so sánh, thì chỉ bằng một cọng râu lơ thơ của Hồ mà thôi. Cũng nhờ những câu chuyện về Nguyễn Ái Quốc giả chết hay sự bất tin của Lý Thụy, mãi cho tới khi sắp mở màn thế chiến thứ hai, Nguyễn Tất Thành mới được tái sinh qua cái tên Hồ Chí Minh từ năm 1939 cho tới bây giờ, chung cuộc chỉ là một màn kịch, diễn về một con người tầm thường nhưng được nổi nhờ cơ duyên và sự phô trương vô tiền khoáng hậu. Chúng ta biết, năm 1931 trong ngục, Nguyễn Ái Quốc giả vờ đóng kịch với người Anh qua màn hợp tác diệt Cộng, để thoát thân. Nhưng cũng từ đó, Hồ bị xuống giá, chỉ trích là bọn thời cơ. Tập sách Đường Kách Mệnh, dùng làm kim chỉ nam cho cán bộ VN Kách Mệnh Thanh niên Hội, của Hồ được coi là thứ dỏm, sặc mùi quốc gia, tiểu tư sản. Tháng 12/1934, Hồ bị ngay chính cơ quan ngoại vi của Đảng cộng sản Đông Dương, chỉ trích nặng nề trên tờ báo đảng là Bôn-sơ-vic. Các lãnh tụ Nga cũng không tha Nguyễn Ái Quốc, kết tội nhiều điểm trong đó nặng nhất là hành vi coi thường, không làm đúng lệnh chủ nhân Quốc Tế cộng sản đã ban ra. Nói chung, theo sử liệu, thì cả Lê Hồng Phong, Trần Văn Giàu và nhất là Tổng Bí Thư Trần Phú, đều không nể nang Nguyễn Ái Quốc. Điều này có thể chứng minh, là từ năm 1931, khi Trần Phú về làm Tổng Bí Thư ĐDCS đảng, mọi báo cáo đều thỉnh thị trực tiếp với Bộ Phương Đông tại Mạc Tư Khoa, mà không thèm qua văn phòng của Quốc tại Hồng Kông. Một điều mai mỉa khác là Liên Xô lúc nào cũng coi Đông Dương, chỉ là một tỉnh của Pháp, kể cả đảng cộng sản Đông Dương cũng coi là một thành phần phụ thuộc vào đảng cộng sản Pháp. Về Á Châu, Stalin chỉ coi trọng Trung Cộng mà thôi, dù có đặt Ban Phương Nam do Nguyễn Ái Quốc phụ trách tại Quảng Châu, để lo Đông Dương và vùng Nam Á, thực chất chỉ là lý thuyết hay cái bóng mờ, nên Mao Trạch Đông đã chê biếm ‘một thứ đồng bụi, chổi chưa quét tới’.

Nói tóm lại không như nhiều người tưởng, xưa nay Quốc Tế cộng sản chỉ coi Nguyễn Ái Quốc chỉ là một cán bộ ngoại vi hạng trung, có hay không cũng chẳng hề hấn gì, mặc dù khi Lenin còn sống, Hồ đã làm thơ ca tụng như mặt trời của nhân loại. Đau khổ hơn nữa, từ sau năm 1930, Liên Xô đã có trong tay hơn 50 cán bộ VC, vừa trẻ lại có học thức và con tim thép máu của Stalin, hơn nữa vây cánh của Hồ là phe Zinoviev vừa bị loại bỏ khỏi Quốc Tế cộng sản, nên chuyện Hồ bị thanh trừng một cách bí mật suốt năm năm tại Nga, là điều không tránh được.

Năm 1932, Bảo Đại lúc đó đã 19 tuổi, hồi hương về VN, qua kế hoạch đánh bóng lại vương triều nhà Nguyễn, từ năm 1885, đã trở thành một thứ bù nhìn. Để lấy vãi thừa che mắt thiên hạ, thực dân hủy bỏ Qui Ước đã ban hành năm 1925, cho vua An Nam một ít quyền cho có thể thống với toàn dân, hứa cải cách giúp VN bước vào con đường Âu hoá, mở rộng con đường quan lại cho mọi người. Cũng vì vậy, Phạm Quỳnh đã được cử làm Ngự Tiền Đông Lý của Bảo Đại, trước sự phản đối của hầu hết các quan đại thần trong triều đình Huế. Tháng 5-1933, triều đình Huế cải tổ, hầu hết những quan lớn, kể cả Nguyễn Hữu Bài đều về hưu và được thay vào những đại quan trẻ tuổi, trong đó có Phạm Quỳnh là Thượng thư Bộ Học, Ngô Đình Diệm làm Thượng thư Bộ Lại kiêm Tổng Thư Ký Ủy Ban cải cách. Nhưng sự cải cách của Pasquier đã gặp nhiều trở ngại, đầu tiên là sự từ chức của Ngô Đình Diệm, sau đó là sự chống đối của bọn Pháp kiều cùng Hội truyền giáo hải ngoại, vì đụng chạm đến quyền lợi của họ. Ngày 07/03/1934 vua lập Nam Phương Hoàng Hậu. Năm 1936, do tình hình thế giới biến chuyển, bên Pháp chính phủ Bình Dân của liên minh Léon Blum và Jacques Doriot cầm quyền, tới Trung Nhật đại chiến, khiến cho trùm đỏ Stalin cũng thay đổi phần nào sắt máu. Do trên tình hình sinh hoạt chính trị tại VN lại có cơ hội bùng dậy. Tuy nhiên trong khi các đảng phái Quốc Gia chỉ có lòng yêu nước, nên vẫn gặp đầy khó khăn. Trái lại Quốc Tế cộng sản lại được Liên Xô cung cấp tiền vàng vô hạn định, đồng thời gọi về nước tới tập những cán bộ người Việt nhưng đã được thay óc và tim, để biến thành những con người máy chỉ biết có cách mạng vô sản và chủ nghĩa mà thôi. Trong giai đoạn này, Ban Phương Nam do Lê Hồng Phong lãnh đạo, thế Nguyễn Ái Quốc đã bị khai tử. Lúc này Hà Huy Tập làm Tổng Bí Thư Đông Dương CSD, còn Hồ Nam Trần Văn Giàu được lệnh về Nam tổ chức lại đảng. Tóm lại từ năm 1934, Ban lãnh đạo ngoại vi của VC, dời về Ma Cau và tập hợp lại gần như đầy đủ các thành phần có trước trong Tâm Tâm Xã, kể cả Cô Duy, tức Nguyễn thị Minh Khai. Tháng 07-1936, Nga ra lệnh cho Lê Hồng Phong, đưa Ban Phương Nam, tức là cơ quan lãnh đạo tối cao của VC về Nam Kỳ hoạt động. Trong năm 1936, đảng Bình Dân Pháp đã ra lệnh phóng thích hàng ngàn tù nhân chính trị VN, trong đó phần lớn là cán bộ cộng sản như Phạm văn Đồng, Nguyễn văn Cừ, Hạ Bá Cang, Lê Duẩn, Nguyễn văn Linh. Nhờ vậy đảng cộng sản Đông Dương đã phục hồi nhanh chóng và liên kết với các thành phần tả phái không cộng sản, thành lập Mặt Trận Dân Chủ Đông Dương, trong đó có Đặng Xuân Khu (Trường Chinh), Võ Nguyên Giáp, Phạm văn Đồng, Trần Huy Liệu. Nhưng chưa được bao lâu thì Stalin ra lệnh cho nhóm Stalinist tức Đông Dương cộng đảng, đệ tam quốc tế, phải cắt đứt liên hệ với phe Đệ tứ cộng sản hay là nhóm Trốt-kít của Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu..ở Sài Gòn. Tại miền Trung, các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi Bình Định đã bắt đầu có Tỉnh Ủy lâm thời. Riêng kinh đô Huế, từ năm 1937, VC hoạt động bán công khai qua tờ báo L'épi du Riz (Nhành lúa), do VC cao cấp HẢI TRIỀU Nguyễn Khoa Văn, chủ biên. Lợi dụng những cuộc đấu tranh hợp pháp, từ năm 1939 cán bộ Quốc Tế cộng sản tại Đông Dương, ra sức tổ chức và phát triển các nghiệp đoàn lao động bất hợp lệ, nông hội cùng nhiều hội đoàn bô lão, thanh niên, phụ

nữ, đánh giày, bán báo, bình dân giáo dục ... lúc đó, khắp nước đã có trên 1000 cán bộ chính thức. Tóm lại trong giai đoạn này, công sản đê tam phát triển mạnh nhất là tại Việt Bắc với nhiều cơ sở, còn có cả một tiểu đđi du kích do Lê Quảng Ba và Hoàng Sâm chỉ huy tại Cao Bằng.

Thế chiến thứ 2 bùng nổ, tại Đông Dương vào đầu năm 1940, Pháp lại thẳng tay càn quét và gần như toàn thể đảng viên VC, trong đó có hầu hết các cán bộ từ Bộ Phương Đông về. Đúng lúc đó thì Nguyễn Tất Thành qua bí danh Thiếu Tá Hồ Quang, xuất hiện tại Quảng Tây và Côn Minh, trong sứ mạng điều khiển Ban Hải Ngoại của đảng. Lần tái xuất này, 'bác' lại gặp hên, vì hầu hết các 'đảng chúa' trong nước đều nằm rọ. Hồ chọn cơ hội tuyển cán bộ mới, để làm hậu thuẫn cho mình sau này, qua mông bước lên ngai vàng An Nam vào tháng 09-1945. Trong giai đoạn này, Hồ ngoài cái tên Trần Vượng, còn là Thiếu Tá Hồ Quang của Đê Bát lộ quân, do Diệp Kiếm Anh chỉ huy, đồng thời cũng chỉ đạo Ban Hải Ngoại của Phùng Chí Kiên.

Hiện nay các sử gia đều đặt nghi vấn, về câu hỏi là tại sao đồng loạt các cán bộ cao cấp của Đông Dương Công sản đảng, từ Mạc Tu Khoa về, trong đó có Lê Hồng Phong tự dung bị lộ, và kẻ chỉ điểm theo mật thám Pháp là một liên lạc người Hoa ? Một điều khác cũng rất quan trọng, đó là tài chính dùng nuôi quân, nhưng Hồ đã ôm trọn, khiến cho Hoàng văn Hoan, Vũ Anh và nhiều kẻ khác, đói đến độ phải nhờ vào người Quốc Gia mà sống.

Đây cũng chỉ là một phần tóm lược về cuộc đời của Nguyễn Tất Thành, qua huyền thoại 'xuất dương' tìm đường cứu nước, một con người trăm tên, trăm mặt, thay đổi hình dạng và thủ đoạn chính trị, đâu có khác gì loài tắc kè xanh xanh đỏ đỏ.

MỘT CÁCH LÝ GIẢI VỀ CHUYỆN HỒ CHÍ MINH MẤT QUYỀN LỰC TRONG NHỮNG NĂM CUỐI ĐỜI

<http://www.geocities.com/tranvietdaihung/motcach.html>, **Trần Viết Đại
Hưng, 06/2003**

Với chức vụ chủ tịch Đảng kiêm chủ tịch nước, và với tư cách là người khai sinh ra nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, Hồ chí Minh nói chung đã tạo ra một cảm tưởng để người dân Việt Nam trong nước cũng như dư luận quốc tế bên ngoài đều cho rằng Hồ chí Minh có một quyền uy chính trị tuyệt đối trong Đảng và đối với bộ máy nhà nước. Nhưng sau này khi có những tiết lộ động trời của cựu Đảng viên cao cấp Nguyễn văn Trấn cũng như của người hầu cận thân tín Vũ Kỳ được tung ra, người ta thấy rõ ràng Hồ chí Minh đã bị đàn em dưới tay như Lê Duẩn và Lê đức Thọ tước hết quyền hành, thậm chí còn tạo dựng tai nạn máy bay để giết Hồ chí Minh nữa. Thế thì lý do nào đã đưa Hồ chí Minh đến chỗ thất thế đến nỗi bị đàn em ăn hiếp tàn tệ như vậy. Phải nhớ rằng thời kỳ Hồ chí Minh mất quyền lực là vào khoảng đầu thập niên 1960, cho nên cách lý giải thứ nhất là Hồ chí Minh mất quyền lực sau cuộc cải cách ruộng đất tàn bạo sai lầm. Cách lý giải thứ hai căn cứ vào một bản di chúc thật của Hồ chí Minh được tung ra ở hải ngoại sau

1975 với chữ viết tay của Hồ chí Minh. Chính vì chữ viết tay mà người ta có nhiều yếu tố căn bản để tin đây là bản di chúc thật của Hồ chí Minh. Cũng khó tìm được một kẻ nào " rần mắt " chơi trò chúc thư giả vì chuyện giả chữ viết là một chuyện không dễ làm. Những điều tiết lộ trong chúc thư này đã phần nào giải thích một cách rõ ràng lý do tại sao Hồ chí Minh bị thất sủng và mất quyền lực trong những năm cuối đời.

Bức chúc thư của Hồ chí Minh được báo Con Ong Ty Nạn tại Paris tung ra vào năm 1981. Sau này được báo Thức Tỉnh của ông Nguyễn văn Nghi ở San Diego đăng lại nguyên văn. (Tiện đây xin nhắc ai còn giữ số báo cũ Thức Tỉnh, hay ấn bản Con ong ty nạn (Pháp) có đăng trọn chúc thư của Hồ chí Minh xin liên lạc email: langbiant@yahoo.com để trao đổi thêm. Bài viết này chỉ trích đăng phần cuối bản chúc thư mà thôi). Nghe nói chữ viết trong bản chúc thư đã được đưa cho kiểm tự Pháp để kiểm chứng và đã được xác nhận là đúng chữ viết của Hồ chí Minh. (Xin coi thủ bút của Hồ chí Minh trong di chúc ở cuối bài này).

Toàn bộ bản di chúc của Hồ chí Minh được công bố có nội dung như sau, "

" Thời xưa ở bên Trung Quốc người ta thường nói, " Con chim trước khi chết thì tiếng kêu thương, còn người trước khi chết thì lời nói phải.:"

Tôi tự xét mình chẳng còn sống bao lâu nữa, nên cố gắng viết di chúc này, mong rằng những điều viết ra không phải là những điều sai quấy.

Vừa mới đây, Lê Duẩn có đi với Trần Quốc Hoàn tới gặp tôi, ép buộc tôi phải viết bản di chúc theo ý muốn của họ. Tôi đã viết mà trong bụng vẫn tấm tức vô cùng.

Nay tôi viết thêm tờ di chúc này, xin coi là chính thức. Ngoài ra tôi không công nhận bất cứ bản di chúc nào khác. Tôi ước mong một ngày nào đó, bản di chúc tôi viết đây sẽ được mọi người biết tới, thì ở thế giới bên kia tôi mới được thỏa lòng.

Tôi vốn con nhà nghèo nhưng từ bé đã nuôi mộng đảo lộn sơn hà, và đem lại vẻ vang cho nòi giống, nên tôi bôn ba hải ngoại bao nhiêu năm không hề quản ngại khó khăn, gian khổ, vào tù ra khám, chỉ mong có ngày tổ quốc ta độc lập, giàu mạnh, dân ta hạnh phúc, tự do.

Tôi thường đọc lịch sử nước Việt Nam ta, thấy có ông Trần Thủ Độ là một tay hào kiệt hiếm có trên đời, đã không quản ngại làm việc ác, làm phản mà gây nên cơ nghiệp hiển hách của nhà Trần, đuổi giặc Nguyên, đem lại vinh quang cho cả dân tộc về cả văn minh và đời sống.

Không lường sức mình, không đo tài mình, tôi đã hành động như ông Trần Thủ Độ nên đất nước mới tan nát, nhân dân ta mới điêu linh, mà đầu mình thì nặng nề không biết bao nhiêu tội ác, không thể nào tha thứ được.

Cái nhảm tai hại nhất của tôi là đi theo Cộng sản Mác Xít mà không biết là chủ nghĩa này chẳng qua chỉ là giả bộ, để đánh lừa giai cấp nghèo mà cướp lấy chính quyền cho nước Nga khi đó.

Tôi cũng ngay tình mà dùng những người hợp tác với tôi. Tôi cứ tưởng những người đó quý yêu tôi, đâu ngờ họ đều là mật thám của Nga sô, vây quanh tôi chỉ là để kiểm soát tôi, khéo léo hướng dẫn tôi đi theo con đường Nga đã vạch sẵn. Họ đề cao và tâng bốc tôi để khi nào làm điều gì độc ác thì tôi phải chịu hết trách nhiệm với dân tộc. Nhiều khi họ quyết định mà không hề cho tôi hay biết gì, như vụ cải cách điền địa ở Bắc Bộ chẳng hạn, bây giờ nhân dân có quyền rửa oán trách tôi không biết để đâu cho hết.

Dù sao tôi vẫn là người có tội, tôi không dám chối cãi, chỉ dám mong lịch sử sau này xét kỹ cho tôi mà đừng lên án tôi quá nặng nề.

Đầu năm 1963, hồi đó tôi còn chưa bị bọn quanh tôi bao vây chặt chẽ quá, tôi có nhờ mấy nhân viên Ủy Hội Kiểm Soát Quốc Tế Đình Chiến chuyển vào Nam bộ hai cành đào lớn rất đẹp để tặng cụ Ngô đình Diệm, kèm theo một bức thư, trong thư đó, tôi có chân tình yêu cầu cụ Ngô cùng tôi thảo luận trong tình anh em, để hai bên cùng lo cho dân chúng hai miền, trên căn bản thi đua làm cho dân giàu, nước mạnh, theo đường lối riêng của từng người.

Truyện này lộ ra, làm cụ Ngô bị giết trong Nam, còn ở ngoài Bắc thì tôi bị kiểm soát rất khắt khe, không có quyền quyết định điều gì nữa cả. Đáng lý ra tôi có thể bị giết ngay từ hồi đó rồi, nhưng tên tuổi còn được thế giới biết đến, nên họ còn phải lợi dụng mà để tôi sống thêm. Tôi đã già rồi, râu tóc đã bạc mà còn phải sống trong cảnh tù giam lỏng, cứ nghĩ đến điều này làm tôi ứa nước mắt. Họ đã không giết tôi nhưng sai ông Bác sĩ Tôn thất Tùng cho tôi uống thuốc độc để tôi không thể đi đâu được nữa, mà cũng không thể tiếp xúc với những người mà tôi muốn tiếp xúc. Tôi chưa chết ngay, nhưng là chết dần, chết mòn, ở biệt lập một nơi để đợi ngày tắt thở.

Thật cũng tiếc, khi về già, biết mình sai lầm, muốn chuộc lỗi mà không được nữa.

Trước khi viết phần cuối của tờ di chúc này, tôi xin thú nhận, tôi là một người không phải thân thánh gì nên khi tôi còn sống cũng đủ "bảy tính" như kinh nhà Phật đã đề cập. Tôi không có vợ, nhưng cũng có được đứa con gái lai Pháp. Tôi ước mong con gái tôi, khi đọc tờ di chúc này sẽ tha thứ cho tôi đã không đủ bổn phận làm cha, nhưng phụ tử tình thâm, tôi luôn nhớ tới con gái tôi với muôn vàn âu yếm.

Ai cũng tưởng tôi là con người vô thần, nhưng riêng Đức cha Lê hữu Từ thì biết tôi rất tin có Đấng Tạo Hóa. Vì tin có ông trời nên tôi xin khẩn cầu cho nước ta và các nước Cộng sản khác trên thế giới sớm thoát ách Cộng sản.

Tôi cũng xin ông Trời cho tờ di chúc này có ngày được phổ biến khắp nơi.

Cuối cùng, tôi xin lấy Kiều, dùng hai câu thơ của cụ Nguyễn Du để tỏ lòng hối hận trước cao xanh:

Rằng con biết tội đã nhiều

Dẫu rằng sấm sét búa rìu cũng cam

Hà Nội 14-8-1969

Tên ký: Hồ chí Minh

Qua bức di chúc trên, ta có thể đưa ra những nhận định về sự trung thực được đề cập đến trong đó như sau:

* Chuyện ông Hồ gửi cành đào tặng cho ông Diệm vào xuân 1963 là chuyện có thật. Sách báo Hà Nội sau 1975 đều dấu nhem chuyện ông Hồ tìm cách liên lạc với ông Diệm vì Cộng sản Việt Nam đánh giá chế độ ông Diệm như là một chế độ nguy, tay sai của Mỹ nên chuyện liên lạc trao đổi với chế độ này có thể làm mất đi hào quang cách mạng của Miền Bắc. Khi chuyện tranh đấu Phật giáo nổ ra, áp lực người Mỹ ngày càng đè nặng lên chính quyền đệ nhất Cộng Hòa. Mỹ muốn giữ ông Diệm lại nhưng yêu cầu vợ chồng Ngô đình Nhu đi lưu vong. Và ông cố vấn Ngô đình Nhu đã tìm cách phá vỡ áp lực của Mỹ bằng cách tìm cách bắt tay với Miền Bắc. Nghe nói ông Nhu đã đi gặp Phạm Hùng tại Bình Tuy để trao đổi bàn bạc chuyện hợp tác. Dĩ nhiên chuyện bắt tay của Nhu chắc chắn được tiến hành với sự đồng ý của ông Diệm. Trưởng phái đoàn Ba Lan trong Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến lúc đó là ông Mieczyslaw Maneli đã làm nhiệm vụ con thoi liên lạc giữa hai miền Nam Bắc. Ông Maneli sau này định cư ở Tây phương và viết hồi ký kể lại mọi chuyện. Có lẽ tình báo Mỹ ở Sài gòn lúc đó đã phát hiện ra chuyện ông Nhu đi liên lạc với Cộng sản và từ đó phía Mỹ quyết định bật đèn xanh cho các tướng lãnh đảo chánh để dứt điểm chế độ Ngô đình Diệm. Về phía ông Hồ, như ông đã nói trong di chúc trên là sau khi tìm cách liên lạc để hòa giải hòa hợp với Miền Nam thì ông bị tước hết quyền hành vì Quốc Tế Cộng sản không dung thứ hành động thân thiện này của ông. Đó cũng là một lối suy diễn hợp lý của ông về số phận thất sủng của ông. Và ông Hồ đưa ra nhận định Ngô đình Diệm bị giết vì chuyện toan bắt tay với Miền Bắc. Đó cũng là một nhận xét chí lý của một người già dặn kinh nghiệm chính trị như ông. Nói chung Miền Bắc cũng như Miền Nam đều rơi vào những gọng kềm của quốc tế. Nếu những người Việt Nam lãnh đạo ở hai miền không đi đúng sách lược của những thế lực quốc tế đề ra thì bị tiêu diệt ngay. Ngô đình Diệm bị giết và Hồ chí Minh bị thất sủng vì đã không đi đúng đường lối sách lược của quan thầy đề ra. Nói thế để thấy hai miền Nam Bắc chưa bao giờ hưởng được sự độc lập thật sự mà rơi vào thế bị khống chế bởi những gọng kềm quốc tế: một bên là Tư Bản, một bên là Quốc Tế Cộng Sản.

* Trong di chúc này, Hồ chí Minh chỉ nhắc đến cô con gái lai Pháp mà lơ đi hai cậu con rơi là Nguyễn tất Trung (có mẹ là Nông thị Xuân) và Tổng bí thư hiện nay là Nông đức Mạnh (có mẹ là một phụ nữ thiếu số người Tày). Lý do ông lơ đi có lẽ vì lý do an ninh vì Miền Bắc vốn thân thánh hóa con người ông, tô vẽ ông là một con người không lấy vợ, hoàn toàn hy sinh cuộc đời cho sự nghiệp giải phóng đất nước, nếu xì ra chuyện có con rơi trong nước thì số phận của con rơi này cũng không được an toàn. Cho tới giờ này người ta không biết số phận của Nguyễn tất Trung ra sao, chỉ biết là sau khi mẹ Trung là Nông thị Xuân bị thủ tiêu thì Trung được giao cho người hầu cận thân tín của Hồ chí Minh là Vũ Kỳ nuôi; còn Tổng bí thư hiện tại Nông đức Mạnh thì luôn miệng chối bai bãi ông Hồ không phải là cha ruột của ông ! Dĩ nhiên Nông đức Mạnh đứng vào cái thế không

thể nhận ông Hồ là cha ruột vì Hà Nội đã biến ông thành một ông thánh không hề có vợ con từ lâu !

Nói chung Hồ chí Minh có cả thảy 4 người vợ ì được mọi người sau này biết đến là Nguyễn thị Minh Khai (vốn là chị ruột của Nguyễn thị Minh Thái, vợ đầu của Võ nguyên Giáp), người vợ Tàu Tăng tuyết Minh, và người vợ gốc thiểu số Nông thị Xuân, người vợ thiểu số mẹ của Nông đức Mạnh. Nói chung là Hồ chí Minh có 4 vợ được mọi người biết đến, không biết ông còn có người vợ nào còn nằm trong bóng tối nữa hay không. Có lẽ noi theo gương ông nên Lê đức Thọ có 2 vợ, Lê Duẩn có 3 vợ. Xem ra những tay lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, tay nào cũng dồi dào về vấn đề sinh lý. Âu đâu cũng là thứ " đạo đức cách mạng " mà họ kín đáo dạy dỗ cho toàn dân noi theo!

Trong bản chúc thư có những dấu ấn của Hồ chí Minh như viết tắt chữ " d" thành chữ " z". Thí dụ " di chúc " thành " zi chúc", " Nguyễn Du " thành " Nguyễn Zu" , " Dầu rắng" thành " Zầu rắng ". Từ hồi xa xưa, khi viết cuốn sách " Đường Cách Mạng " Hồ chí Minh đã viết thành " Đường Kách Mạng" (dùng chữ " k" thay cho chữ " c"). Chỉ với yếu tố cách viết đặc biệt này làm người ta càng tin tưởng thêm đây chính là chúc thư thật của Hồ chí Minh.

* Bức chúc thư có nhắc đến " bảy tính của nhà Phật " . Bảy tính đó là : Hi, Nộ, Ái , Ó, Bi , AI , Dục, tức những trạng thái vui, buồn, giận ghét thông thường của một con người. Nhân chuyện Hồ chí Minh có nhắc đến nhà Phật thì cũng nên nói thêm là nên nhìn lý thuyết " Nhân Quả " của nhà Phật để nhìn vào cuộc đời Hồ chí Minh để thấy cái chính xác của lý thuyết này. Lúc Hồ chí Minh còn sống, ông cũng thú nhận trong chúc thư, cũng như ai cũng biết là ông đã làm những chuyện cực kỳ độc ác, đến lúc về già thì bị giam lỏng cho chết dần, chết mòn một cách thể thảm. Lúc chết rồi thì ý nguyện hỏa táng xác thân cũng không được thi hành mà bị móc bụng nằm trong lãng cho thiên hạ coi. Đúng là chết rồi mà còn bị mổ bụng không cho chôn! Thật là một hình phạt nặng nề mà ông phải chịu để trả những tội ác mà ông đã tạo ra lúc sinh thời. Mong những kẻ đang làm ác sẽ trông gương Hồ chí Minh mà cảnh tỉnh để " làm lành, lánh dữ " trước khi quá trễ.

Có vài điều suy luận để thấy chúc thư này là chúc thư thật dựa trên những lý luận sau:

* Người Cộng sản không bao giờ công bố ra chúc thư này vì trong chúc thư ông Hồ mong mỗi nước Việt Nam và các nước khác sớm thoát ách Cộng sản. Đó là điều tối kỵ đối với Cộng sản. Dĩ nhiên Cộng sản cũng không bịa đặt ra chúc thư giả vì nó không mang lại lợi ích gì cho Cộng sản mà mang lại nhiều sự rắc rối, khó xử thêm.

* Người quốc gia không thể công bố cũng như không làm chúc thư giả để bênh vực cho Hồ chí Minh, vốn là kẻ tử thù của người quốc gia

* Vậy thì còn giả thuyết chỉ có những kẻ rấn mắt công bố chúc thư này như một chúc thư giả để làm trò đùa. Điều này cũng khó làm vì giả nét chữ Hồ chí Minh không phải là chuyện dễ. Chuyện giả chữ viết chỉ có thể qua mắt người thường, chứ không thể qua mặt nhân viên kiểm tự chuyên nghiệp. Vào những năm trước

có kẻ công bố Nhật ký của Hitler nhưng rồi các nhà kiểm tự nhảy vào làm việc. Họ đem nét chữ thật của Hitler để so sánh với nét chữ của cuốn hồi ký được cho là của Hitler và tìm ra ngay đây là cuốn hồi ký giả. Đây là một trò bịp bợm giả chữ viết Hitler để làm tiền thế thôi.

Chỉ có điều lẩn cán ở đây là người công bố chúc thư này, vì một lý do tế nhị an ninh nào đó mà chưa công khai ra mặt. Điều này cũng dễ hiểu vì chế độ Cộng sản Việt Nam vẫn còn đó, chuyện công bố cách thức và tên tuổi người tung bức chúc thư thật của Hồ chí Minh ra ngoại quốc có thể làm liên lụy đến những người liên hệ. Mong sao chế độ Cộng sản Việt nam sớm sụp đổ để người công bố chúc thư này sẽ có cơ hội giải thích rõ ràng hơn và chúc thư này do đó sẽ có giá trị thật sự hoàn toàn.

Bùi Tín có kể chuyện vào năm 1989, Vũ Kỳ có gặp ông và cho biết bản chúc thư mà Hồ chí Minh viết cho Lê Duẩn công bố với toàn dân (mà trong di chúc thật Hồ chí Minh thú nhận là phải viết theo sự bức bách của Lê Duẩn)cũng bị cắt xén vì có những đoạn không hợp ý Lê Duẩn. Chỉ riêng chuyện Vũ Kỳ công bố sự thật này cũng làm cho ông bị Bộ chính trị Đảng gọi lên hạch sách và răn đe. Ngay trong di chúc trao cho Lê Duẩn, Hồ chí Minh đã nói lên mong muốn là khi qua đời, ông mong thân xác ông sẽ được hỏa táng và tro cốt được rải trên núi sông, nông dân được miễn thuế trong vài năm. Lê Duẩn đã không theo lời di chúc để hỏa táng mà trái lại cho xây lăng để triển lãm cái xác ông cho thiên hạ chiêm ngưỡng. Chuyện miễn thuế theo lời yêu cầu của Hồ chí Minh cũng bị bỏ qua.

Bùi Tín kể rõ chuyện này như sau:

" Năm 1989, nhân dịp 20 năm ngày mất của ông Hồ chí Minh, ông Vũ Kỳ, nguyên thư ký của ông Hồ chí Minh đã cùng tôi bàn nhau phải đưa toàn bộ Di chúc ra ánh sáng. Không thể mập mờ mãi được. Không thể quịt của người nông dân một năm thuế.

Ông Hồ chí Minh bắt đầu viết Di chúc từ tháng 5-1965, sau đó cứ vào tháng 5 hàng năm lại viết lại, viết thêm. Cho nên có tới bốn bản di chúc bổ sung cho nhau. Ông Vũ Kỳ kể chuyện là ngày 2-9-1969, sau khi ông Hồ chí Minh mất, vào buổi tối ông Phạm văn Đồng đến nơi đặt thi hài ông Hồ. Ông Vũ Kỳ đưa ra chiếc phong bì lớn đựng cả bốn bản Di chúc. Ông Phạm văn Đồng đưa cả hai tay ra ngăn lại, " Không, tôi không nhận. Đây là chuyện hệ trọng, để ngày mai, có đầy đủ bộ chính trị, đồng chí đưa ra." Sáng 3-9-1969, có đầy đủ Bộ Chính Trị, ông Vũ Kỳ đưa ra chiếc phong bì lớn ấy. Ông Lê Duẩn liền cầm lấy rồi gọi ông Hoàng Tùng, Tổng biên tập báo Nhân Dân vào phòng nhỏ bên cạnh. Ông Duẩn tự quyết định chỉ đưa ra một bản, cắt bỏ, sửa chữa vài chỗ rồi giao cho ông Hoàng Tùng công bố. Tất cả các bản còn lại ông Duẩn giao cho ông Trần quốc Hoàn giữ như văn kiện tuyệt đối bí mật. Cho đến khi ông Trần quốc Hoàn thôi chức Bộ trưởng Bộ Công An và chức ủy viên Bộ Chính Trị (tháng 3-1982), ông Vũ Kỳ không tài nào lấy lại được tập Di Chúc ấy. Chỉ đến khi ông Trần quốc Hoàn ốm nặng, ông Vũ Kỳ mới moi được bí mật qua lời hấp hối của ông Trần quốc Hoàn, " ..trong két sắt đặt ở nhà riêng, ngăn thứ hai, tầng dưới cùng." Thế là cả tập nguyên bản di chúc được tìm

thấy.

Tháng 5-1989, tôi bàn với ông Vũ Kỳ, đặt ông viết một bài báo đặc biệt kể Chủ tịch Hồ chí Minh viết Di Chúc như thế nào, đăng trên tuần báo Nhân Dân chủ nhật do tôi trực tiếp biên tập. Phản ứng của lãnh đạo rất mạnh. Một số ủy viên Bộ Chính Trị đã lên án hai chúng tôi là làm một việc tầy trời, dám công bố văn kiện quan trọng bậc nhất của Chủ tịch Hồ chí Minh mà chưa được phép của Bộ Chính Trị. Trước những cặp mắt nghiêm nghị của bốn ủy viên Bộ Chính Trị Nguyễn thanh Bình, Đào duy Tùng, Nguyễn đức Tâm, Đông sĩ Nguyên và Trưởng ban tư tưởng và văn hóa Trần trọng Tân, ông Vũ Kỳ rất điềm tĩnh. Ông trả lời, " Tôi đâu có công bố Di Chúc, tôi chỉ viết theo yêu cầu của anh Thành Tín ở báo Nhân Dân. Nhân đây tôi cũng xin báo cáo suốt hai mươi năm nay tôi ăn không ngon, ngủ không yên, cho đến khi nào toàn bộ Di Chúc của Bác đến được với nhân dân." Sau đó Bộ Chính Trị phải họp hai lần để bàn riêng về việc này và cuối cùng phải đưa ra Quốc Hội bàn về việc công bố toàn bộ các bản Di Chúc, đồng thời quyết định giảm thuế nông nghiệp trong hai năm, mỗi năm 50%. Ông Vũ Kỳ và tôi rất mừng, cùng nhau cụng một cốc bia, nghĩ rằng thế là bà con nông dân ta bị hy sinh nhiều nhất về người và của trong chiến tranh cũng đỡ khổ được đôi chút.

Riêng về việc xây lăng Chủ Tịch Hồ chí Minh, rất nhiều trí thức, cán bộ và đồng bào cho rằng không nên làm điều ngược với nguyện vọng thiêng liêng của người sắp từ giã cõi đời, nhất là khi nguyện vọng ấy lại cao đẹp. Chủ Tịch Hồ chí Minh yêu cầu không nên phúng viếng linh đình, tốn kém, mong thi hài mình được hỏa thiêu, vậy mà nguyện vọng ấy không được thực hiện. Thi hài ông không được nhập vào đất đai của quê hương, vẫn nằm trong một chiếc lăng đồ sộ mà lạnh lẽo, tốn kém biết bao nhiêu vật liệu và công sức của nhân dân.....

(Trích Hồi Ký " Hoa xuyên tuyết " của cựu Đại tá Bùi Tín, xuất bản năm 1991, trang 118, 119 , Nhà xuất bản Nhân Quyền)

Nguyện ước khi chết đi được hỏa táng được Hồ chí Minh viết trong di chúc như sau :

" Sau khi tôi qua đời, chớ nên tổ chức diếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân.

Tôi yêu cầu thi hài tôi được đốt đi, tức là " hỏa táng ". Tôi mong rằng cách hỏa táng sau này sẽ được phổ biến. Và như thế đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất ruộng. Khi ta có nhiều điện, thì " điện táng " càng tốt hơn.

Tro thì chia làm 3 phần, bỏ vào 3 hộp sành, một hộp cho miền Bắc, một hộp cho miền Trung, một hộp cho miền Nam.

Đồng bào mỗi miền nên chọn một quả đồi mà chôn hộp tro đó. Trên mà không nên có bia đá, tượng đồng, mà nên xây một ngôi nhà giản đơn, rộng rãi, chắc chắn, mát mẻ, để những người đến thăm viếng có chỗ nghỉ ngơi."

Lê Duẩn đã đục bỏ ước nguyện hòa thiêu này của Hồ chí Minh khi công bố Di Chúc của Hồ cho nhân dân Miền Bắc. Trong suốt cuộc đời hoạt động chính trị, Hồ chí Minh đã giết oan quá nhiều người nên sự oán thù đối với ông vẫn còn dai dẳng dù ông đã nằm xuống. Nhưng mà thôi, nghĩa tử là nghĩa tận", nên văn hóa Việt Nam cao đẹp của chúng ta đã dạy chúng ta là không nên hận thù người đã chết. Chỉ mong sao chế độ Cộng sản sớm sụp đổ để nguyện ước hòa thiêu thân xác của ông Hồ được thỏa mãn. Tro bụi ông sẽ đi vào lòng đất mẹ, cát bụi rồi sẽ trở về cát bụi. Có nhìn thấy cái chết mới thấy thân phận nhỏ nhoi yếu đuối của con người trước vũ trụ bao la. Cho dù người đó có quyền lực to lớn thế nào đi nữa thì khi nằm xuống cũng trở thành cát bụi vô tri. Vấn đề của người làm chính trị là làm sao sau khi mình qua đời, nhân dân vẫn dành cho mình sự yêu mến, tiếc thương. Chuyện xây mồ xây ma chỉ là những hình tướng bên ngoài, không có tác động ảnh hưởng dài lâu đối với dòng sống của một dân tộc. Di sản đáng quý thật ra là những tinh thần cao đẹp mà người quá cố để lại. Lưu danh muôn thuở hay lưu xú vạn niên là cũng do những hành động làm lúc còn sống và lưu truyền đến các thế hệ sau. Lịch sử rất công bình và sẽ định công, luận tội rạch ròi bất cứ người nào có những ảnh hưởng đến sự sống còn và phúc lợi của đất nước và nhân dân.

Cuộc đời Hồ chí Minh quả có nhiều bí mật nhưng rồi không có gì bí mật dưới ánh sáng mặt trời. Mọi chuyện uẩn khúc dần dần được phơi bày trọn vẹn để công chúng có thể nhìn thấy con người thật của Hồ chí Minh. Cũng như sau này nhiều tài liệu và chuyện kể được công bố thì người ta mới thấy được Thủ tướng Phạm văn Đồng chỉ là tay sai của phe Duẩn – Thọ và hoàn toàn không có quyền hành gì cả. Chuyện ông Đồng không dám nhận di chúc Hồ chí Minh mà Vũ Kỳ giao cho ông cũng đủ nói lên điều đó.

Nhìn chuyện ông Hồ bị thất sủng và ông Diệm bị giết khi tính chuyện hòa hợp, hòa giải với nhau cũng đủ cho thấy gọng kềm quốc tế không chế hai ông đến như thế nào. Thân phận nhược tiểu của nước Việt Nam nói chung là không có chủ quyền và hầu như bị các thế lực quốc tế điều động, giật dây và chi phối trên cả hai miền Nam, Bắc. Mỹ nắm quyền sinh sát ở miền Nam cũng như Quốc Tế Cộng Sản nắm quyền chủ động, sai khiến ở miền Bắc. Dân tộc Việt Nam chưa bao giờ có quyền độc lập thực sự trong gần thế kỷ qua. Người lãnh đạo tương lai của Việt Nam nên lấy đó làm gương để khéo léo tránh né để không bị gọng kềm quốc tế nào điều động và chi phối. Có thể Việt Nam mới mong có một nền độc lập thật sự chứ không phải là thứ độc lập hão mà Việt Nam đã có trong mấy mươi năm vừa qua. Khi có được một nền độc lập thật sự thì mới mong xây dựng được một nước Việt Nam có chủ quyền, để từ đó mới mong đề ra những chính sách ích quốc, lợi dân, không lệ thuộc vào bất cứ thế lực quốc tế nào. Có độc lập dân tộc mới xây dựng được bản sắc dân tộc và lấy đó làm nền móng cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước dài lâu.

Lawndale, một ngày nắng hạ chói chang giữa tháng 6 năm 2003.

TRẦN VIỆT ĐẠI HÙNG

Công Hàm Phản Quốc của CSVN ngày 14-09-1958

Ngày **04-09-1958**, TC ra Bản Tuyên bố về hải phận của Tàu, kèm theo bản đồ quy định rõ ràng là hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của TC.

Ngày **14-09-1958**, theo lệnh đảng CSVN và Hồ Chí Minh gửi Công hàm "ghi nhận và tán thành bản tuyên bố ..."

Ngày **19-01-1974**, với sự đồng loà của đảng CSVN, TC tấn công tiếm giữ Quần đảo Hoàng Sa.

(Xin xem trang kế dưới đây)



THỦ TƯỚNG PHỤ
ƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG-HÒA

Thưa Đồng chí Tổng lý.

Chúng tôi xin trân trọng báo tin để Đồng chí Tổng lý rõ :

Chính phủ nước Việt-nam Dân chủ Cộng hoà ghi nhận và tôn thành bản tuyên bố, ngày 4 tháng 9 năm 1958, của Chính phủ nước Cộng hoà Nhân dân Trung-hoa, quyết định về hải phận của Trung-quốc.

Chính phủ nước Việt-nam Dân chủ Cộng hoà tôn trọng quyết định ấy và sẽ chỉ thị cho các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm triệt để tôn trọng hải phận 12 hải lý của Trung-quốc, trong mọi quan hệ với nước Cộng hoà Nhân dân Trung hoa trên mặt biển.

Chúng tôi xin kính gửi Đồng chí Tổng lý lời chào rất trân trọng./.

Hà-nội, ngày 14 tháng 9 năm 1958



Phạm Văn Đồng

Kính gửi :
 Đồng chí CHU AN LAI
 Tổng lý Quốc vụ viện
 Nước Cộng hoà Nhân dân Trung-hoa
 tại BẠC-KINH.

PHẠM VĂN ĐỒNG
 Thủ tướng Chính phủ
 Nước Việt-nam Dân chủ Cộng hoà